

Dương Thị Xuân Quý

NHẬT KÝ
CHIẾN
TRƯỜNG



... Ta đi làm việc ở các bệnh viện dã chiến ...
Hà Nội - Trường Sơn 1968.



Nhà Xuất Bản
Văn Nghệ

X. Quý

Table of Contents

[Nhật ký chiến trường" của Dương Thị Xuân Quý](#)

[Vào Nam](#)

[Phần 1](#)

[Phần 2](#)

[Phần 3](#)

[Phần 4](#)

[Quảng Nam ác liệt](#)

[Phần 5](#)

[Phần 6](#)

[Phần 7](#)

[Phần 8](#)

[Cận kề cái chết](#)

[Kỳ cuối](#)

[Phụ lục:](#)

[Nằm lại với đất lành...](#)

[Đơn tình nguyện vào miền nam chiến đấu của nhà văn Dương Thị Xuân Quý viết năm 1965](#)

[Bức thư cuối cùng của nhà văn Dương Thị Xuân Quý gửi cho chồng](#)

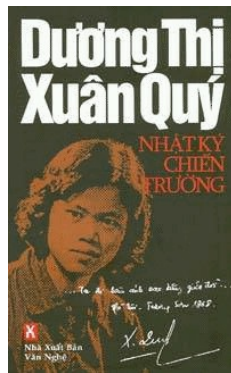
[\[1\]](#)

[\[2\]](#)

[\[3\]](#)

Dương Thị Xuân Quý

Nhật ký chiến trường



Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

"Nhật ký chiến trường" của Dương Thị Xuân Quý



Dương Thị Xuân Quý trước khi đi chiến trường.

LTS: Báo Quảng Nam vừa nhận được một tư liệu quý dài gần 80 trang: tập "Nhật ký chiến trường" của nhà văn, nhà báo, liệt sĩ Dương Thị Xuân Quý từ nhà thơ Bùi Minh Quốc. Theo nhà thơ Bùi Minh Quốc (cũng là chồng của nhà văn Dương Thị Xuân Quý), đây chính là những trang nhật ký lần đầu tiên được công bố chính thức, qua đó sẽ cho thấy nữ nhà văn trẻ "đã sống, suy nghĩ, làm việc thế nào, trong một hoàn cảnh dữ dội thế nào, từ ngày chị rời thủ đô Hà Nội đến khi rời căn cứ A7 miền tây Quảng Nam đi chuyển công tác đầu tiên, và cũng là cuối cùng, xuống chiến trường đồng bằng". Nhà văn - liệt sĩ Dương Thị Xuân Quý vừa được trao tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật, và "Tuyển tập Dương Thị Xuân Quý" đang được chuẩn bị xuất bản. Năm 1983, nhà văn Nguyễn Ngọc từng viết về Dương Thị Xuân Quý: "Thật bất công nếu không gọi chị là một người anh hùng".

Đêm nay là đêm cuối ở trường 105[1]. Cho đến bây giờ, 8g20 đêm mình mới thật sự xong ba lô. Xếp mãi, xếp mãi mà vẫn lai rai. Nhớ tới Anh. Hồi anh đi chắc cũng bận như mình. Anh kể chuyện các cô nữ giúp anh khá nhiều. Còn mình mấy hôm nay thì trái lại, các anh nam giới xâu cho từng chiếc dải màn, dải tăng, gấp cho từng chiếc võng, chiếc màn và buộc gói, ghi địa chỉ để mình gửi đồ đạc về nhà. Anh làm hộ mình chiếc đèn, anh làm cho mình cái lót đồng hồ... Nếu không có tập thể giúp đỡ chắc mình lúng túng lắm. Cho đến phút này mình hoàn toàn có thể phấn khởi lên đường, thỏa mãn và toại nguyện. Không ngờ chiều chủ nhật 7-4 vừa qua mình lại còn được về ngủ với Ly một đêm.

... Sáng chủ nhật, 7g xe chạy về Hà Nội. Mình phải đi mượn một chiếc xe đạp. Đến Mỹ, gặp cả hai vợ chồng nó... Một chiếc xe đạp đang sơn, để cho nó khô, còn một chiếc thì chồng nó hôm sau đi sớm.

... Ở nhà Mỹ ra, mình định đi tìm Kim Thư mượn nó xe đạp. May sao gặp Chánh [2] đứng với Trịnh Tường và Hoàng Tống.

...Lấy xe của Chánh, mình về sửa soạn, ăn cơm xong tới gần 12g mình mới đạp về quê. Khoảng 2g30 chiều đến nhà. Bọn trẻ con reo lên và mình thấy Ly trên tay Thơ. Ly nhìn thấy mẹ, Ly cười, rồi Ly vừa cười vừa mếu. Mình dắt xe vào nhà và bế Ly. Ly bóc kẹo ăn ngon lành. Ly không gọi mẹ như những lần trước. Bảo mãi Ly cũng chẳng gọi, rồi Ly tụt xuống, Ly chỉ nhìn mẹ. Đôi mắt của Ly vừa linh hoạt, sinh động nhưng sao nó vẫn có vẻ gì như trầm lắng. Mình tắm cho Ly. Ly không khóc một chút nào. Thích quá. Buổi chiều Ly chỉ gọi mẹ khi nào mẹ bảo: "Gọi mẹ đi" thì Ly nũng nịu: "Mi...ẹ...ẹ". Ôi, mình không sao quên được cái giọng thương yêu ấy của con. Lần này có một cái khác là Ly

không xoắn xuýt mẹ như trước. Ly không khóc đòi theo mẹ mà Ly cứ tụt khỏi lòng mẹ để xăm xăm đi. Ly đã đi được như thường, đi rất nhanh. May mắn cho mình là mình được thấy con đi mạnh bạo như thế. Mặc Ly, Ly đi ra đường và lên đê. Mình dắt Ly, hai mẹ con vượt dốc và lên đê. Vừa lên tới đê Ly đã bảo: "Bò, bò...". Tuy lúc ấy không có bò, nhưng vì Ly cứ nhớ lên đê là thấy bò mà. Gió lồng, mình thùng thảng dắt Ly đi dạo trên đê. Những phút ấy sao êm đềm và hạnh phúc thế. Rồi sợ gió nhiều mình vội đưa Ly về và hai mẹ con đã chơi một tối trăng tuyết diệu.

- Ông trăng đâu Ly?

Ly ngửa mặt lên và cười:

- Đây! ...



Bé Ly với bà ngoại.

Mình bỗng khám phá ra một điều kỳ lạ: trong mắt Ly, giữa hai con người

lóng lánh, có hai chấm vàng nhỏ xíu bằng đầu kim lay động. Ông trăng đã in trong mắt Ly. Mình nghĩ ngay đến những chặng đường hành quân sắp tới. Mỗi khi nhìn trăng, mình sẽ nhớ rằng ông trăng ấy chính là ở trong mắt Ly. Mẹ hát ông trăng cho Ly nghe. Còn Ly thì thỉnh thoảng lại đòi: "Xuống... xuống". Ly chỉ muốn chạy đi băng băng. Rồi mình cho Ly vào giường đùa một lúc. Bỗng dưng Ly nằm xuống. Mẹ đắp chăn và vỗ vỗ cho Ly. Ly thiiu thiiu ngủ. Suốt cho tới sáng, Ly không hề dậy. Chỉ có một lần Ly đạp chăn và mình sờ chân Ly thấy lạnh toát mình vội đắp lại cho Ly. Tối uống nước nhiều nhưng Ly không hề đi đêm. Bà bảo độ này Ly không đi đêm nữa. Gần về sáng thỉnh thoảng Ly lại thò tay ôm lấy cổ mẹ. Một tay trên, một tay dưới. Ly dậy muộn hơn mọi khi vì có mẹ bên cạnh. Khi mở mắt ra, câu đầu tiên của Ly là: "Chừa! Chừa! ". Hai mẹ con nằm mãi. Chính Ly cũng thích nằm chơi như thế, rất lâu con mới bảo: "Dậy! Dậy! ". Thương Ly ghê, chính cái niềm vui nho nhỏ ấy con cũng phải hy sinh. Bà dậy từ 5 giờ sáng để quấy bột, Ly nằm một mình không có ai để quàng tay vào cổ, thế là Ly dậy, chả có ai vuốt ve và kể chuyện "Con mèo" cho Ly nghe. Ly rất thích nghe chuyện. Hễ mẹ nói: Nằm im mẹ kể chuyện Con mèo nhé! Thế là Ly nằm yên lặng, chăm chú nghe mẹ kể. Chỗ nào mẹ cười, Ly cũng cười theo.

Ly ngồi ghế thúng ỉa, vừa ăn sữa. Lần này con ăn sữa rất nhanh chứ không chê tránh như lần trước. Ly vừa ngồi ỉa, mẹ đi bắt muỗi trong màn. Muỗi trong màn nhiều quá, hàng chục con mọng máu. Thảo nào trán Ly lấm tẩm đỏ vì muỗi cắn. Làm sao được. Phải biết tránh, không để cho những gợn đó bào vào ruột! Ly vẫn ỉa thành khuôn. Sau khi ăn sữa, Ly lại ăn một quả chuối. Rồi 9g lại ăn cơm trứng. Chả hiểu có đau bụng không? Có một lúc mình bỗng thấy Ly cười: "Quốc! Quốc! ". Ly nói Quốc rất rõ, không ngọng ngượng tí nào. Rồi Ly gọi: "Quý! Quý! ", Ly tròn miệng: "Bố! Bố!". Mấy tiếng ấy Ly thường nói liên nhau. Mình ứa nước mắt. Không biết bao giờ Ly mới được sống gần bố. Nếu mình vào và anh được ra với Ly thì mình sung sướng quá. Ăn cơm xong mình phải đi thay áo. Ly ngồi xỏm nhặt rau với bà. Mình bế Ly lên, Ly lại tụt ra đòi ngồi nhặt rau. Nhìn đồng hồ đã 10g10. Mình vội lên đường. Kể ra mình có thể ở nhà tới 12g. Nhưng còn phải đi trả xe Tú, lại chờ anh Chúc ở nhà. Mình sợ 3g đến Hà Nội thì cấp rập quá. Mình đi. Mẹ bế Ly ra tiễn. Ly lên tận đê và chỉ nhìn

theo mẹ đi chứ không khóc đòi theo mẹ. Thôi, thế cũng yên tâm. Kỳ này mình mang về cho Ly 1 hộp dầu cù là Trung Quốc trong số 3 hộp mình được phát. Lại mang cho Ly được 2 hộp sữa nữa. Thế là 9 hộp cả thảy. Lẽ ra chỉ có 8 hộp nhưng mình đã đổi trứng gà của mình cho chị Vân để lấy một hộp sữa. Từ hôm đến trường, mình không động đến một giọt sữa nào. Tất cả dành cho Ly hết. Hiện nay trong ba lô của mình chỉ còn một gói sữa bột thôi. Nhưng không sao. Sức khỏe mình rất tốt. Mình đã tăng 3kg. Hôm đến trường mình chỉ có 41kg. Hôm nọ cân được 44kg, béo hơn cả hồi đi Khu 4 mình chỉ có 42kg. Trông ảnh, cũng thấy rõ là mình béo. Có lẽ vì mình khỏe như vậy nên trong số nữ cán bộ, mình là đứa duy nhất ở lại đi bộ. Sáu nữ và bốn nam ở các chi tách ra, đi ô tô vào tới Kông Tum.

... Tối thứ bảy, họp toàn trường, anh Văn đọc mệnh lệnh hành quân. Chi mình có 15 đồng chí tất cả. Mình chuẩn bị tinh thần chịu đựng tất cả. Cũng như Anh, mình tin là mình sẽ vượt qua được hết thảy. Bởi một lẽ giản đơn, chẳng có khó khăn nào bằng khó khăn ở báo PN (Báo Phụ Nữ Việt Nam - BT)... Mỗi khi nghĩ tới báo PN, mình thấy rùng mình ghê sợ...

Nhà văn, nhà báo Dương Thị Xuân Quý sinh ngày 19-4-1941 tại Hà Hội, quê quán thôn Phú Thị, xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên trong một dòng tộc trí thức, nghệ sĩ yêu nước chống thực dân Pháp. Ông nội chị, cụ Dương Trọng Phổ, từ rất sớm đã vận động cho Đông Kinh Nghĩa Thục, bị thực dân Pháp đày ra Côn Lôn. Phụ thân chị, ông Dương Tự Quán là một nhà giáo sau chuyển sang làm báo, chủ trương tờ Văn Học tạp chí, rồi tạp chí Tri Tân. Bác ruột chị, ông cử Dương Bá Trạc vừa tham gia tích cực trong Đông Kinh Nghĩa Thục vừa viết báo viết văn. Sau khi đàn áp Đông Kinh Nghĩa Thục, thực dân Pháp mời ông làm tri huyện nhưng ông từ chối và tiếp tục hoạt động chống Pháp, bị chúng đày ra đảo Côn Lôn trước cụ Dương Trọng Phổ ít ngày. Một người bác ruột nữa của Dương Thị Xuân Quý là nhà nghiên cứu nổi tiếng Dương Quảng Hàm. Hai người anh con bác ruột của chị là các họa sĩ Dương Bích Liên, Dương Cẩm Chương.

Có năng khiếu và say mê văn chương, cô bé Dương Thị Xuân Quý đã thích ghi nhật ký từ 7 tuổi, khi đang sống với gia đình tại Thái Nguyên thuộc chiến khu Việt Bắc. Sau ngày giải phóng thủ đô, Dương Thị Xuân Quý về Hà Nội học trường phổ thông cấp 2 Trưng Vương, rồi ra Quảng Ninh học trường trung cấp mỏ, sau đó về học khóa báo chí do Ban Tuyên huấn trung ương mở. Tốt nghiệp khóa học, chị về làm phóng viên báo Phụ Nữ Việt Nam từ năm 1961 đến năm 1968. Là một phóng viên năng nổ và xông xáo, Dương Thị Xuân

Quý đã có mặt ở nhiều vùng nông thôn trên miền Bắc. Mang thai con đến tháng thứ sáu, chị vẫn về Quảng Nạp (Thái Bình), đi cấy đi gặt với bà con xã viên để vừa viết báo vừa viết văn. Khi giặc Mỹ ném bom miền Bắc, Dương Thị Xuân Quý đã có mặt ngay tại các vùng trọng điểm tuyến lửa Nghệ An, Hà Tĩnh năm 1965. Cùng năm ấy, chị viết đơn tình nguyện xin được vào chiến trường miền Nam chiến đấu. Tháng 4 năm 1968, chị lên đường vượt Trường Sơn vào miền Nam, khi con gái mới 16 tháng tuổi, và chồng chị, nhà thơ Bùi Minh Quốc thì đã có mặt ở chiến trường từ một năm trước đó. Đêm 8-3-1969, Dương Thị Xuân Quý anh dũng hy sinh tại thôn Thi Thại, xã Xuyên Tân (nay là Duy Thành) huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam trong một trận càn quét ác liệt của giặc Nam Triều Tiên khi chị cùng đồng đội từ dưới hầm bí mật bò lên cố tìm cách thoát ra khỏi vòng càn.

Ngã xuống giữa tuổi 28 phơi phới thanh xuân, Dương Thị Xuân Quý để lại cho đời tác phẩm “Hoa rừng” (gồm các truyện ngắn, bút ký viết trên miền Bắc và trong thời gian ngắn ngủi ở miền Nam) cùng tấm gương ngời sáng của một nhà văn - chiến sĩ hy sinh vì sự nghiệp độc lập cho dân tộc và tự do cho mỗi con người.

BÙI MINH QUỐC

Vào Nam [3]

Phần 1



Dương Thị Xuân Quý khi chưa lập gia đình, đang làm phóng viên Báo Phụ Nữ Việt Nam.

12-4-1968, Lạc Sơn, Hòa Bình, 10g30 sáng

4g chiều ngày hôm qua, 11-4-68, ô tô chuyển bánh rời trường 105. Thế là cuộc hành quân vĩ đại của mình thực sự bắt đầu, sau những ngày chuẩn bị ráo riết. Nếu không thực sự khoác ba lô thì mình không thể thấm thía một cách sâu sắc những trang bị đầy đủ của Đảng đối với từng người, mà những người như mình thì có là cái gì đâu. Một hạt cát, một giọt nước... Nhưng tất cả đều được chuẩn bị chu đáo hơn cả những người vợ chuẩn bị cho chồng và những người mẹ chuẩn bị cho con. Mình đeo một chiếc ba lô cóc to hơn người. Trong ba lô là đủ thứ đồ dùng cần thiết: quần, áo, khăn rằn, hăng-gô, đường sữa, kẹo, chè, mì chính, ruốc, mắm, muối, thuốc (1kg đủ loại thuốc), phao bơi, vải mưa, tăng vi-ni-lông, võng dù, màn... Tóm lại, từ trong ba lô ấy mình có thể dựng nhà ở và nấu ăn trong lúc đi đường. Đúng là cuộc đời dã chiến, cái cuộc đời mà mình từng ao ước từ trước tới nay. Mình mặc quần bộ đội và áo sơ mi pô-ơ-lin màu cỏ úa. Chiếc áo bộ đội cho Tú rồi. Tú nó thích mà mình thì mặc cái áo ấy có vẻ già hơn mặc sơ mi. Mình làm quen với đôi dép cao su từ một tháng nay. Bây giờ chính thức mang nó lên đường. Lần đầu tiên trong đời, mình có một đôi dép vừa vặn như thế. Tất cả những trang bị cho cuộc đời "xê dịch" đó gây cho mình một cảm giác thú vị. Mình cảm thấy cuộc đời mình đang

mở ra một giai đoạn mới. Vì vậy, giây phút lên đường chính là giây phút mình phần khởi nhất.

14-4-1968, Như Xuân, Thanh Hóa, 3g chiều

Bằng giờ tuần trước mẹ đang tắm cho Ly đấy Ly ơi. Hôm nay là chủ nhật, mẹ và bố chẳng về với Ly được. Ly sẽ phải chịu nhiều chủ nhật vắng mẹ, vắng bố như thế nữa. Nhưng Ly ạ, mẹ tin rằng Ly sẽ khỏe mạnh và sẽ lớn lên như nghị lực của mẹ, sức khỏe và ý chí của mẹ.

Chiều nay mẹ ở nhà sàn, giữa một vùng đồi núi trùng điệp của Thanh Hóa. Bây giờ mẹ lại sắp đi tiếp con ạ. Càng ngày mẹ càng xa con thân yêu. Đêm nay chắc trăng sáng lắm, con có chơi trăng không? Đêm qua mẹ đã đi giữa một biển trăng đẹp. Trăng tỏa bức màn mỏng xuống đường mẹ đi. Ánh trăng không chói lọi như những đêm trăng hè mà trăng đêm qua mỏng manh, dịu lặng như lòng mẹ nhớ mong con. Ông trăng tròn xoe cứ chạy theo mà nhòe vào mắt mẹ. Nhìn trăng, mẹ nhớ Ly biết bao! Xe của mẹ phải dừng lại 2 lần và mẹ phải đi bộ một quãng vì đường lầy và xóc ghê gớm. Mẹ ngồi sau cùng, có lúc bánh xe sụt xuống, mặt mẹ gần sát xuống mặt đường. Nhiều đoạn xe nghiêng đi lắc la lắc lư. Nhưng mẹ vẫn vững vàng... Người ta dọa mẹ:

- Rồi đến lúc đi bộ sẽ thấy nhau.

19-4-1968, xã Hương Xuân, Hương Khê, Hà Tĩnh, 9g45 sáng

Tối trạm 13 từ 1g30 đêm hôm qua. Mình đã vượt được một thử thách đầu tiên để kỷ niệm ngày sinh lần thứ 27 của mình. Hôm nay ở trong ấy chắc Anh cũng nhớ và nghĩ về em. Anh đã biết tin em vào với Anh chưa? Có thể không cùng công tác với Anh nhưng cũng chung một chiến trường, và như thế là đến gần với anh rồi phải không? Thế là 3 lần sinh nhật rồi em có Anh mà vẫn chẳng có Anh. Bao giờ ở bên anh để được anh tổ chức một ngày kỷ niệm nho nhỏ cho em nhỉ?

Anh mà không nhớ 19-4 thì khi gặp em sẽ phạt đấy. Bây giờ em không nhượng bộ anh như trước nữa đâu. Em sẽ thi hành kỷ luật hằn hoi.

5g30 chiều qua bắt đầu xuất phát. Chiếc ba lô của mình có cả 2kg5 gạo, thịt kho và đủ thứ trên đời trút xuống đôi chân nhỏ quá khổ của mình. Tất cả khoảng 32 đến 35kg. Hành quân trên một đoạn đường 18km nhưng vì nhầm nên phải đi tới 19km. Đi được 1 giờ ven một vùng đồi trọc, xuyên giữa bãi sim và thanh hao thì trời tối sập xuống. Sim đang phơi những chùm nụ trắng tròn, mọng căng, lác đác một vài bông hoa đã nở khoe màu tím chung thủy và thương nhớ. Khi bóng tối trùm xuống thì mặt đường chìm đi. Đồng chí giao liên không cho bật đèn pin. Bật đèn pin là phạm kỷ luật chiến trường. Thế là mình phải đi mò. Bước thấp bước cao, ngã 3 cái, anh Hữu, anh Nhật xách hai tay mà không sao đứng dậy được, phải một người nữa xốc ba lô lên. Lại tẹo chân. Chân cứ nghiêng bần đi đau nhói. Đôi chân của mình nhỏ bé quá, nó lại không đủ sức đương đầu với sức nặng của chiếc ba lô đè xuống, nhưng nó cố gượng dần bước và dần dần nó vượt lên được, mặc dù nó đau buốt tận xương. Đôi chân của mình nó cũng y như cuộc đời của mình vậy. Có nhẽ mình sẽ viết một truyện ngắn đồng thoại về đôi chân này, hoặc làm sao đưa mày vào sáng tác của tao "chân" ạ. Anh Hữu bảo: - Đầu tiên là tôi lo cho đôi chân của chị lắm đấy. Tôi bảo bà này rồi bắt trị. Nhưng sau tôi thấy bà mang 7 - 8 viên gạch gọn gàng tôi mới yên tâm. Buồn cười, trông bà đi khuệnh khoảng đôi chân, vai đeo nặng cứ y như lạc đà. Chắc ngày xưa mẹ chị bắt chị đi sớm quá phải

không? Chưa biết đi đã tập đi rồi, mẹ chị không kể lại à?

Đúng anh ạ, đôi chân tôi có lẽ phải đứng lên, phải đi, phải chạy non quá. Người ta bảo cái dáng đi của tôi vất vả. Ừ, vất vả, nhưng nó sẽ không chịu đầu hàng đâu. Nó run, nó vấp, nó trọ xuống, nhưng nó không thể bong gân và cũng không thể gãy xương được.

Thế rồi trong tiếng bom, tiếng máy bay của giặc Mỹ, bọn mình vẫn đi. Đi. Đi... Bộ đội mũ giải phóng, ba lô con cóc nhan nhản. Mình nhắm "Đường ra mặt trận" của Anh (tức của nhà thơ Bùi Minh Quốc - BT) thấy đúng quá.

... Chúng ta đi rầm rập triệu bàn chân

Cả đất nước cùng ta nhịp bước

Mắt dõi hướng miền Nam

Ôi miền Nam thịt xương ta đang giục

Chúng nó hoạt động vùng trời này dai như đĩa đói. Máy bay rẹt thấp, bom và pháo sáng liên tục. 12g đêm tới chỗ ông trạm trưởng 13. Ông ta đứng ra giọng nghiêm trang:

- Báo cáo các đồng chí, chúng tôi nhận được điện ở trạm 12 báo các đồng chí

sẽ đến từ 9g đến 11g đêm. Các đồng chí giao liên đợi đón về cả rồi. Bây giờ các đồng chí chịu khó quay lại 800m, còn tôi sẽ báo cáo tình hình địch vùng này. Tháng 12-1967 ta bắt được 1 thằng phi công, bản đồ của nó gạch chéo vùng này. Nó nói là điểm 2 (điểm 1 là trục giao thông). Từ 1968 nó đã đánh nhiều trận cách đây từ 150m đến 2km. Ngày 16-4-68 vừa rồi nó mới đánh cách đây 150m.

Nghe đồng chí ấy nói sao mà rùng rợn. Vậy mà nhân dân ở đây vẫn bình tĩnh như không. Bác chủ nhà thắp đèn trong chiếc ống tre che ánh sáng. Chỉ đủ ánh sáng hắt vào trong nhà. Máy bay rạt qua chả ai thèm chạy.

Bọn mình quay lại 800m, chân buốt nhói nhói, mỏi rã rời. Đêm hành quân đầu tiên bị mưa, mình phải lấy mũ và áo mưa ra choàng. Đi sau anh Hữu, mỗi lần nghỉ anh Hữu lại đặt ba lô xuống và khoác ba lô lên cho mình. Đó là điều duy nhất mình phải phiền đến các anh.

... Hôm nay tới trạm 13, tất cả đều xôn xao để vớt đồ. Anh Nhật nộp lại toàn bộ đồ mổ và thuốc thang. Anh Chúc trả dao găm, vỏ bi đông. Anh Thắng, anh Chúc cho pin đèn, anh Sặc vớt phao bơi... Các anh ấy vớt không thương tiếc những thứ quý giá và hiếm hoi. Mình tiếc đứt ruột. Mặc, mình vẫn lặng lẽ và bình tĩnh để nguyên ba lô. Có thể đến một lúc nào đó mình không chịu được cũng sẽ vớt thôi, nhưng bây giờ thì chưa đâu.

... Chiều nay lại nhận thêm gạo và thực phẩm. Đường đi rất gay go. Bọn phi chôn mình dưới đất làm mấy người bị thương trong đoàn đi bộ hôm trước. 8g tối qua chúng nó bắn pháo hiệu cho nhau. Máy bay thì vẫn cứ lờn lộn tìm kiếm. Chẳng đáng sợ gì nữa.

Phần 2

Chủ nhật 21-4-1968, Hương Liên, Hương Khê, Hà Tĩnh.

Suốt cả ngày hôm qua, bọn mình đi trong mưa. Mưa tầm tã, cả đoàn 108 người đã bỏ lại trạm 13 đồng chí. Cái Tý bị sụt hố bong gân từ lúc mới xuống ô tô, anh em đeo cho cả, ba lô san ra, Tý chống gậy đi không với một bi đông nước. Nhưng chỉ cố được đến trạm 13. Cái Đê bị liệt cả ngực cả vai, 11g đêm cấp cứu, thế là ở lại. Và một cậu nữa ở chi 4 mét. Thế là nữ chỉ còn mình và 8 đứa nữa. Trông đoàn quân đi như một sợi dây dài màu xám mà những chiếc ba lô to là những chiếc móc xích nối vào nhau. Tất cả đều khoác ni lông xám đội mũ áo mưa xám và chậm chạp bước. Đầu cúi về đằng trước, lưng gập về đằng trước và cái lưng cong lên. Nom ai cũng giống con lạc đà. Riêng mình thì giống hơn cả, anh em bảo thế, vì mình bé nhỏ quá, chiếc ba lô che lấp mất cả người. Anh em bảo : bà Quý đi chân nọ đá chân kia, chân cứ run lẩy bẩy. Chẳng qua là bà cố gắng bằng tinh thần thôi, chứ chân bà không thể chịu nổi sức nặng của chiếc ba lô trút xuống. Tại sao bà hay ngã nhất ? Đây là do bà không chịu nổi mà bà cố gắng... Anh em đều quan tâm đến mình, khi mình trượt chân hai ba anh kéo lên (...)

... Mình vẫn còn đi nhanh và đi khỏe hơn nhiều anh em khác. Lại vui vẻ,

luôn luôn vui vẻ, ca hát và tươi cười. Thực sự mình sung sướng tới mức khó hiểu. Được sống giữa tình thương của anh em, được khám phá ra một “thế giới” hoàn toàn mới lạ, lòng mình luôn luôn sáng khoái. Dĩ nhiên là mình mệt nhoài... Lắm lúc lên dốc, tất cả như nín thở. Không một tiếng nói, một tiếng cười, chỉ có những chiếc dép miết xuống bùn nhộp nháp. Anh Hữu đi sau mình, đột nhiên bảo :

- Làm sao mà cứ cúi mãi lưng xuống thế ?

Một lát anh ấy lại nói :

- Quý phải rút dép lại đi, dép rộng quá, chân cứ trật ra ngoài.

Có lúc cùng đi, anh ấy bảo :

- Bây giờ phải tập đi nhé, đi dài bước, đi cho thật vững. Đừng bước ngắn, bước ngắn hay phải chạy, chạy một lúc là liệt người mà luôn luôn phải vội.

26-4-1968, Trường Sơn, trạm 18, Quảng Bình.

Anh Sắc, người Hải Dương, bảo Oách cũng người Hải Dương

- Cậu có gặp đồng hương Hải Dương cậu nhớ nhắc chúng nó đừng có đào ngũ, xấu mặt quê hương.

Oách trả lời :

- Có, em có bảo chúng nó rồi. Em nói gợi ý khéo : "Cố mà đi. Có về bây giờ cũng chả biết đường về đâu...".

Anh Sắc :

- Có hai cậu người Ninh Giang vừa đào ngũ đấy, về được 2 trạm thì bắt lại được.

Mình rất thương họ. Họ rất trẻ, tính xốc nổi của tuổi trẻ có lúc dìm họ xuống. Hố bom và tiếng gầm rít của phản lực Mỹ khiến họ run sợ. Từ trạm 16 trở đi, tình hình căng một cách ghê gớm. Tuyệt đối không được bật đèn pin và thắp đèn dầu, nhân dân cũng thế. Máy bay Mỹ hoạt động suốt đêm, thường là nó bay rất thấp như muốn lao xuống đè bẹp người ta. Nửa đêm ở trạm 17, mình thấy sáng bừng cả lán, mình bảo : - Ô cái gì sáng quá.

- Pháo sáng đấy - các anh nằm bên nhắc.

Có tập thể, người ta thấy bạo dạn hẳn lên. Tối nay mưa và mù, được thả đèn tự do, sướng quá. Ông Thăng, ông Chúc tìm lên trạm để ngủ giường. Bọn mình ăn một bữa cơm chớp nhoáng. Cơm gói từ sáng chấm với mắm kem. Xong mình đi dóm bếp cho Kiều nấu cơm. Bếp đặt dưới một tảng đá nghiêng để tránh mưa. Trạm cho mỗi chi 2 thanh củi to. Lấy dao găm chẻ ra. Mình phải đốt cả một cuộn "Hoà Vang" của Nguyễn Khải mới dóm được bếp vì củi tươi quá.

29-4-1968, 6g45 tối, Trường Sơn, trạm 20

Mưa lâm thâm, mình nằm trong một cái lán giữa rừng và viết nhật ký dưới ánh đèn pin đây. Hôm nay mình đã qua một chặng đường ghê gớm nhất trong chiến trường A. "Ai qua được chặng này mới là sinh viên trường đại học thực tế", đồng chí Nờ trưởng trạm nói thế. Mình hình dung nó ghê gớm lắm vì qua cả "Cổng trời". Quả thực nó khác hẳn những chặng đường khác. 9 giờ liền từ 8g sáng đến 5g chiều đoàn mình đi liên tục. Những dốc đá tai mèo lởm chởm hiện ra. Dốc đứng, hoàn toàn đạp trên đá. Trông lên và trông xuống đoàn 108 người chúng mình như một sợi dây kéo thẳng xuống một vệt sẫm. Đá nhọn hoắt, nhóp nhép những vết chân tha đất sét bao bọc. Mình đeo ba lô và bò lên dốc. Tay vịn những thân cây cụt và những mẩu đá nhọn nhẵn thín vì bao nhiêu bàn tay vịn nó. Có những khúc cây bóng lên. Khi lên còn vịn được, nhưng khi xuống sao mà căng thẳng đầu óc. Theo những móm đá tai mèo, mình bước ngang chân, đi dần xuống vực sâu. Chỉ cần trượt một tí là ngã ngay, là gãy chân ngay, và thế là không đi nữa. Mình thận trọng từng bước, cố gắng từng bước, có những lúc mắt mờ đi vì mây trắng và vực sâu. Qua dốc Nguyễn Văn Trỗi, dốc Nguyễn Văn Bé, dốc Nguyễn Thị Định và dốc Nguyễn Chí Thanh, 4 cái dốc lớn chọc trời, mình đã không bị ngã một cái nào. Anh Hữu bảo :

- Chị Quý hôm nay cố gắng lắm đấy, không ngã cái nào, giỏi đấy. Hôm nay khá lắm rồi, chân vững gập rưỡi hôm đầu rồi.

Hôm nay các chi đều ngã oanh oách cả. Riêng mình thấy khỏe lắm, không mệt mỗi gì. Ăn rất khỏe. Chiếc ba lô không còn đè nặng lên vai mình nữa. Chỉ có một nỗi khổ là nhớ Ly. Thèm hôn lên má con và nói chuyện với con quá. Mình thì thầm hát bài Ru con và mình bật khóc. Ly ơi, chắc hôm nay Ly đã quên mẹ rồi. Mẹ chưa gặp bố Ly nhưng chắc bố Ly sẽ trách mẹ. Anh ơi, anh sẽ trách, sẽ mắng em vì em bỏ Ly mà đi, nhưng em không ân hận về chuyến đi này. Càng đi em càng thấy em quyết định đi là đúng. Mong sao chóng gặp anh để nói chuyện với anh. Chỉ có anh mới thương em nhất và hiểu em nhất thôi, anh ơi. Anh bây giờ ở đâu ? Có khỏe không ? Ly biết làm gì rồi ? Ly có khỏe không ? Trời ơi, chưa bao giờ mình phải chịu đựng ghê gớm như thế này. Càng nghĩ, càng thấy muốn lao vào làm việc để quên đi tất cả, để bù đắp cho Ly và cho Anh. Phải tranh thủ sống và viết. Mình lan man nghĩ và nhắc Ly với anh em trong đoàn thì trông thấy một chữ Ly khắc trên thân một cây to giữa đường mình đi. Cảm động quá, lòng mình run lên. Nhưng phải tự hạ lệnh cho mình quên đi thôi.

Ngày hôm nay mình đã qua một chặng đường nguy hiểm. Vừa đi được 15 phút thì máy bay đến, chặng đường mình đi bị chúng thả bom bi. Bom bi vào đúng trạm trú quân mình vừa ra khỏi và bom bi đánh vào đội hình đoàn bộ đội đi trước mình. Máu chảy đỏ lôm đường đi, những chiếc cáng đè lên vai anh em bộ đội. Nhìn vào cáng, thấy anh em máu đầm chân tay, kinh quá. Một đồng chí đại đội phó hy sinh, cáng đi ngay rồi. Một đồng chí trung đội phó bị thương nặng có thể hôm nay hy sinh và 6 đồng chí khác bị thương. Ôi, cái chết đến sao đột ngột và dễ dàng thế. Bọn mình vẫn đi một cách thản nhiên mà chẳng lo lắng gì cả. Thật kỳ lạ. Nếu đoàn mình hôm nay đi chậm một chút, hoặc nhanh một chút thì thương vong nhiều lắm. Sao may mắn lạ lùng. "Máu thấm đường ta đi đầm mồ hôi rơi...", thật đúng. Hoàn toàn lúc đó chả ai lo sợ gì cho

bước đường mình đi cả. Tất nhiên vẫn có những kẻ chạy trốn. Sáng nay đơn vị bộ đội đi trước mình cũng có một cậu người Hải Dương đào ngũ. 3g30 sáng cậu ta còn lấy phần cơm. Rồi cậu ta bỏ ba lô lại và đi. Đơn vị tìm mãi, loay hoay mãi, sau phải cử 7 đồng chí ở lại tìm nên mới chậm xuất phát và mới xảy ra thương vong. Nếu đơn vị ấy không có kẻ chạy trốn thì thương vong sẽ đến với đoàn của trường 105 mình.

Lác đác đơn vị nào cũng có người đào ngũ. Số anh em ngã gãy chân cũng có. Thỉnh thoảng bọn mình lại thấy một cái cáng, trong đó thường là một khuôn mặt trẻ măng bị gãy chân vì ngã.

Phần 3



Dương Thị Xuân Quý năm 18 tuổi.

30-4-1968, trạm 21, Trường Sơn, 6g15 chiều

8g30 sáng nay mình khởi hành từ trạm 20. Một chặng đường ngắn nhất từ hôm đi. Cả thảy 7km (hôm qua đi 25km). Nghỉ giải lao có một lần, lại không dốc lắm. 11g20 đến nơi. Hôm nay được ở với chi ngoài rừng vì nhà có bộ đội và mấy ông cán bộ ở. Trạm mới chuyển về đây nên rừng còn lơm nhơm lắm. Không quang đãng và bằng phẳng như trạm 20. Bắt đầu mang tính chất khô khan của Lào từ trạm 20. Suối ở 20 rất nhỏ, nước chảy chậm và nông, đến đây không còn suối nữa, chỉ có một ống nứa nhỏ phun nước ra. Mỗi người mang hăng-gô hứng một ít rồi rửa chân tay. Mình bị mất mũ ở trạm 19, đến đây xin được cái mũ quân giải phóng. Lên Ban chỉ huy trạm, gặp 3 lính đào ngũ. Anh Bái lẫn vào giải thích, 3 lão bảo : - Chúng em nghĩ kỹ rồi, chỉ vì chúng em yếu sức khỏe nên chúng em không vào Nam được, chúng em ra Bắc, vẫn ở bộ đội ngoài Bắc thôi, chứ chúng em về nhà thế nào được. Một lão tâm sự những chuyện bất bình với cán bộ. Cả ba là đảng viên, trong đó có một lão là thượng sĩ. Cuộc sống đúng là một sự sàng lọc ghê gớm. Chặng nào cũng thấy lính đào ngũ. Họ sợ chết, sợ gian khổ, nhưng họ không nghĩ rằng khi rời bỏ hàng ngũ tức là họ đã đi vào chỗ chết.

Con số chết của đoàn bộ đội đi trước mình hôm qua lên tới 5. Bị thương 9. Ghê gớm thật.

Đây là trạm cuối của chiến trường A. Lại lĩnh thêm mì, thịt hộp, gạo, lạc... Chiều, cả chi làm một bữa mì nấu thịt hộp, ăn tưởng như phở Hàng Buồm, lại có lạc rang và chè tàu nữa, sang thật. Ngày mai sẽ đến đất Lào. Trạm này, Anh của mình cũng đã đến. Từ mai, sẽ gặp nhiều lưu niệm của Anh. Từ mai em sẽ đi những chặng đường Anh đã đi đấy. Thôi chào miền Bắc thân thương. Chào Ly yêu dấu và nhiều hy sinh của mẹ. Hãy tha thứ cho mẹ con nhé. Mẹ sẽ đem Hạnh phúc tới cho con.

2-5-1968, 9g tối, hang đá, Trường Sơn, đất nước Lào

Mình tới trạm 1 của đất nước Lào từ 3g30 chiều hôm qua. Thế là mình không còn ở Việt Nam nữa. Nhớ ngày nào mình thèm được đi Lào như Anh. Bây giờ thì mình đã thực hiện được mơ ước đó. Kể từ trạm 21A bọn mình bắt đầu đi sang đất Lào. Đêm 30 rạng ngày 1-5 ngủ tăng. 3g sáng đã phải mò dậy gấp tăng, gấp võng trong bóng tối. Máy bay lượn và thả pháo sáng suốt. Địch mặt đất cũng gần nên chẳng thể bấm đèn pin được. Hễ ai loè một ánh đèn lên là bị la ó ầm ĩ. Thế mà rồi cũng xong, cứ lần tới đầu dây mà giật nút, rồi vo viên lại nhét vào ba lô. 4g15 bắt đầu đi. Chỉ mình đi đầu, đằng sau la hét vì không thể nào đi nổi, trời tối quá, may sao, đơn vị bộ đội đi trước vì chưa gặp giao liên nên họ xuất quân muộn. Bọn mình chờ họ đi nên 6g30 mới lại tiếp tục. Bắt đầu sang đất Lào sau 9 trạm đi bộ, kể cả trạm 21 tới trạm 1 thì vừa đúng 10 trạm, gần 200km rồi. Đất Lào cũng dọc dài Trường Sơn, nhưng khô bỏng. Đường xuyên rừng vạch thành một vệt trắng, rắn đanh lại như chưa bao giờ có một giọt nước. Lá rụng vụn nát nằm bẹp gí trên đường vì biết bao bàn chân đạp lên lúc hành quân. Trời nắng nhạt. Những tiếng ve kêu đã thay cho tiếng suối róc rách của Việt Nam mình. Ve như hét lên những điều sâu muộn, như tiếng rên của rừng bạt ngàn. Tiếng ve và ánh nắng gây một không khí oi bức ngột ngạt và gợi dậy trong lòng mình mùa hè.

3-5-1968

Mùa hè năm ngoái, chính vào những ngày này đây, Anh chuẩn bị lên đường và mình thì tái người vì nỗi nhớ. Năm ngoái, có lúc nằm bên anh mình bảo : bằng giờ sang năm thì em ở đâu, có gì ? Lúc ấy cả em và anh không ai hình dung nổi sau đúng một năm thôi, em lại đi trên quãng đường mà anh đã đi.

Đường em đi năm nay dài hơn anh và gian khổ hơn anh nhiều. Những hố bom B52 và những khoảng rừng cháy trụi hiện ra. Máy bay rít dữ dội trên đầu đúng vào lúc đoàn mình đi qua những khoảng đất B52 tàn phá. Hơi sờn gai ốc nhưng cứ nghĩ rằng xung quanh mình có cả một tập thể lớn thì mình chẳng biết sợ là gì nữa... Bọn mình qua những chỗ giấu ô tô và những kho tàng cao ngất trong hang đá. Miền Trung Lào hiện ra với những cánh hoa rặng đầy lối đi. Hoa cánh trắng, 4 cánh xòe ra và một chút nhụy hồng cao vồng lên. Đồng chí giao liên nhặt bông hoa lên nâng niu trên tay và thỉnh thoảng lại bỏ mũ giải phóng mà ngược mắt nhìn cánh rừng, và sau bất chợt nói :

- Hoa trứng gà, mùi hoa trứng gà thơm quá mà không biết nó ở đâu. Chị có biết hoa trứng gà không ? Nó tròn như quả trứng gà và cũng trắng như trứng gà ấy.

Rồi vừa lững thững đi, cậu ta vừa ngâm ngợi :

Xe chạy nghiêng nghiêng trèo dốc núi

Ơi Trường Sơn với với nghìn trùng...

- Đồng chí thuộc bài ấy à ? Đồng chí Phan ?

- Thuộc một ít câu thôi.

- Đồng chí học hết lớp mấy rồi đi bộ đội ?

- Hết 7. Quê tôi ở Bắc Kạn.

Mình phải cố gắng lắm mới không bật ra một tiếng reo : bài thơ ấy của BMQ (Bùi Minh Quốc - BT), chồng tôi đấy.

Thì ra tất cả những điều anh kể trong thư viết cho mình là sự thật 100%. Hai chuyến đi của mình và của Anh cách nhau một năm rồi (chỉ chuyến vào Nam trước đó của Bùi Minh Quốc - BT) mà cái sự thật ấy vẫn diễn ra giống hệt như nhau.

3g chiều thì đoàn mình đến trạm. Ông trạm trưởng đội chiếc mũ lưỡi trai đen, triệu tập ngay ban chỉ huy đoàn họp tại chiếc bàn nửa ngay giữa rừng. Rồi trưởng đoàn Lưu Quang Vinh phổ biến lại :

- Đây gần Khe Sanh, do đó B52 chúng nó hoạt động rất dữ, lại ở nước bạn, một số dân không phân biệt được bạn thù, các đồng chí phải cẩn thận.

Ông ấy dọa thế thôi, chứ theo bản đồ, bọn mình mới chỉ tới ngang tầm Vĩnh Linh. Ông ta bảo anh Ngọc Nhu và anh Lê Đình Dư có tới đây. Anh Ngọc Nhu hy sinh lúc 3g15 chiều còn anh Dư thì hy sinh buổi sáng. Ông ta còn nói là Hữu Thọ đang đi Khe Sanh, 10-5 thì ra tới đây. Mình không tin lắm vì lúc mình đi thì Hữu Thọ đang ở Hà Nội cơ mà.

... Bây giờ là 2g15 chiều, các đồng chí đang cắt tóc cho nhau và chuẩn bị cơm nước. Thật bận về cơm nước vô cùng. Chiều qua trạm mổ một con trâu chia cho mỗi người 1 lạng. Mình phải làm thịt trâu cả chiều nhưng không muốn ăn. Thịt trâu xào mỡ, gân lọc ra nấu với rau cải khô. Rau cắt từng bánh như bánh thuốc Lào nhưng rất xanh, khi nấu lên vẫn xanh như cỏm. Cả đoàn được 2kg5 rau khô. Mỗi chi ăn một bữa rất tuyệt. Càng thấy xúc động, chúng ta dốc ra chiến trường ghê quá.

Sáng nay ngòi ngấm những đàn chim én lông đen mỏ vàng bay từ trong hang ra sao mà thích thể. Chim ríu rít gọi nhau từng đàn rồi lặn lẽ vào hang khiến cho hang mình sinh động hẳn lên. Giá có Ly ở đây, mẹ sẽ chỉ :

- Này, Ly ơi, chim kìa !

Nhớ Ly quá đời. Bất cứ lúc nào nhắc tới Ly là mình lại chảy nước mắt.

Phần 4



Bé Ly lúc 3 năm 9 tháng tuổi.

6-5-1968, 5g30 chiều

6g sáng hành quân, 1g30 chiều đến bãi trú quân thuộc trạm 4. Những khẩu hiệu và chiếc cổng chào quen thuộc của một trạm trú quân dọc đường lại hiện ra. Nhớ hôm đến trạm 2:

Ơn Đảng nặng, thù giặc sâu

Bắt dặc Năm Thang phải cúi đầu

Dặc Năm Thang cúi đầu rồi. Hôm nay bọn mình vượt một cái dặc 520 bậc nữa và vượt qua cầu sông Xê-pôn. Sông Xê-pôn nhỏ, nước xanh biếc như nước hồ Hoàn Kiếm. Hai hôm nay bọn mình đã tắm rửa trên dòng Xê-pôn của miền Trung Lào sau khi rời dòng suối ở cửa hang trạm 1 thuộc tỉnh Khăm Muộn.

Bây giờ bọn mình đóng giữa một rừng Lào tuyệt đẹp. Những chiếc tăng màu xanh vỏ đồ mở hai cánh phẳng ra nối tiếp nhau liền cánh với nhau dưới những cây gỗ to và thẳng che kín bầu trời bằng những vòm lá xanh nõn màu lá mạ trong những ngày mùa xuân vừa thay áo mới cho nó. Vòm lá gập nắng, chiếu ánh lên cái màu hoàng yến tinh khôi và trong suốt. Những cây cao mang cái nước da phấn hồng và vân đều đặn với những ô lục lăng bùng sáng lên. Thèm được đi bên anh trong những chiều ở rừng Lào đẹp như thế này. Không biết anh có đi đường này để ngắm cánh rừng này không. Từ hôm ngủ rừng, hôm nay là cánh rừng đẹp nhất. Cây to nhất. Cây nào cũng to tới một vòng tay người ôm. Cây nào cũng thẳng tắp và cao vút đến nỗi không nhìn thấy ngọn đầu cả mà chỉ thấy mờ mờ một vòm xanh nối tiếp với những vòm xanh khác che kín bầu trời. Mặc dưới chân ta có muỗi có vắt và có ruồi bâu đốt đau nhói nhưng cái ta hướng tới vẫn là vẻ đẹp của rừng. Và để tận hưởng vẻ đẹp ấy mình đã kiên quyết mắc tăng ngủ. Đêm qua trăng lộc qua vòm lá xuyên xuống rừng một thứ ánh sáng mờ mờ mỏng manh. Mình nằm dài trên võng nghe đài. Các đảng viên trong đoàn tập trung họp. Chỉ có vấn đề không bấm đèn pin tối, không đốt lửa đun nấu ngoài giờ qui định và thực hiện mệnh lệnh hành quân mà đảng viên tranh luận suốt. Đảng viên thiếu gương mẫu, cán bộ chỉ ý lại cho trưởng đoàn Lưu Quang Vinh mà thiếu trách nhiệm chung. Bây giờ Đảng phải lãnh đạo thế nào? Vấn đề nhỏ nhưng là vấn đề sống còn của đoàn. Phải làm sao bảo vệ cho được 108 con người của 5 chi vào đến nơi đến chốn. Họp và gay gắt tranh luận. Mình vừa nghe đài vừa để ý nghe cuộc họp. Buồn. Bao giờ mình mới trở thành đảng viên?

Hôm qua anh Bái chi trưởng chi 2 bảo: - Tôi có nói với anh Thăng đấy, Quý rất tốt, tại sao "muộn" thế? Có lẽ tại đi nhiều à? Nhiều gì, cái chính là hẹp hòi thôi...

Một năm Anh của ta gia nhập Đảng. Một tháng chẵn Ly của ta xa mẹ. Ly ơi. Đêm qua mẹ nhớ Ly vô hạn. Ở nhà ai cắt móng tay cho con? Ai ngoáy tai cho con? Không ai lo tí mĩ cho con gái mẹ bằng mẹ đâu. Trời ơi. Đêm qua mẹ suy nghĩ lại tất cả, và Ly ạ, lần đầu tiên, lần đầu tiên trong chuyến đi này mẹ hối hận. Mẹ nghĩ biết thế ráng chịu đựng mà ở lại với con... Mẹ đã có 7 năm kinh nghiệm ở báo PN (Báo Phụ nữ Việt Nam - BT) rồi. Ừ, có thể như vậy, nhưng con ạ, mẹ sẽ bỏ lỡ một thời cơ hiếm có là được đi vào chiến trường, được tham gia và chứng kiến một sự kiện lịch sử cực kỳ vĩ đại mà mẹ và bố hằng ước mơ. Rồi đây, nếu như mẹ làm được việc, mẹ có một vài cuốn sách tốt chẳng hạn, thì ngày trở ra với con, với Hà Nội, với miền Bắc yêu thương của mẹ không phải là khó. Ly ơi, mẹ hứa với con nhé, mẹ sẽ làm việc không mệt mỏi để chóng được về với con. Dù thế nào mẹ cũng không bỏ viết đâu vì mẹ đã phải hy sinh những ngày hạnh phúc bên con vì nghệ thuật, điều đó chính là sức mạnh phi thường của mẹ, cổ vũ mẹ mạnh mẽ đi lên.

Anh thương yêu của em. Hôm nay chắc anh nhớ và nghĩ về em và Ly nhiều. Từ một khu rừng Lào thuộc tỉnh Khăm Muộn, em thân yêu chúc mừng anh một tuổi Đảng. Em ngồi một mình, suy nghĩ một mình và cùng kỷ niệm ngày ghi nhớ này với Anh. Con chúng ta còn một ngày nữa là 17 tháng rồi anh nhỉ. Ngày hôm nay anh ở đâu? Còn em, em đang qua những ngày mệt mỏi ghê gớm của cuộc hành quân. Em bị hành kinh từ sáng sớm hôm qua, mà hôm qua là một trong những ngày hành quân dài nhất. 7g sáng đi, 5g chiều mới tới trạm 5. Em phải leo một cái núi cao 820m và lão giao liên rất tẻ đã bắt đi hai thôi liền, mỗi thôi 2 giờ mà không cho nghỉ giải lao. Chi em đi cuối, em phải vượt lên đi đầu với chi 5 mà cuối cùng cứ tụt lại dần, không thể nào đi nhanh được nữa.

Chiều nay Diệp Minh Tuyên bảo:

- Này, cái cây này có chữ Quốc đấy. Tên ba thằng: Khâm - Hồng - Quốc.

Mình đang ăn cơm, chạy lại, chữ quốc lại không viết hoa. Chắc không phải anh, mặc dù mình biết chắc chắn là anh có qua khu rừng này. Đây là trạm giao điểm, bất cứ ai đi đường nào cũng phải qua đây. Ông Liên trạm trưởng bảo có đoàn anh Văn Cận qua đây năm ngoái, nhưng chả ai nhớ Anh của mình. Để tới đây, mình và Anh đã đi bằng hai con đường hoàn toàn khác nhau, nhưng ở khu rừng này, anh đã qua, mình biết chắc như thế và bỗng thấy gắn bó với nơi đây biết bao.

10-5-1968, 11g30 trưa, trạm 11, Lào

... Vồng của mình mắc dưới một gốc cây to và ở một khu biệt lập chỉ gần anh Mão và anh Ngũ thôi. Hôm nay trời nắng gay gắt nhưng ở dưới bóng râm trong rừng nên không thấy nóng lắm. Đêm qua mình nằm ngắm trăng mãi. Trăng đêm qua là trăng 14 thì phải. Khoảng 7g tối cả khu rừng bỗng sáng bừng lên như có ai bật điện. Ấy là mặt trăng nhô lên. Trăng lách qua lá rừng rắc ánh vàng trong suốt xuống những đám lá khô màu nâu nhạt và xuống mái tảng. Mình nằm gối tay trên vồng và lặng lẽ nhớ Ly. Một ngôi sao long lanh ở một lỗ hổng hình bầu dục, kẽ hở của mấy vòm lá rơi vào mắt mình, tưởng như đôi mắt tròn và sáng của Ly đang nhìn mẹ cái đêm hai mẹ con chia tay. Ly ơi, mẹ nghĩ mãi về những ngôi sao đó. Chấm vàng nhỏ phản chiếu ông trăng soi vào mắt con đêm ấy giống hệt ngôi sao hôm qua. Từ nay, mỗi lần thấy ngôi sao,

mẹ lại hình dung rõ rệt đó là chấm trắng nhỏ từ mắt con đang nhìn mẹ, và Ly ơi, trăm nghìn ngôi sao chính là trăm nghìn ánh mắt con đang soi sáng trên đường hành quân của mẹ. Mẹ ở trong rừng chả mấy khi thấy sao nhiều, sao càng ít, càng nhớ đôi mắt con nhiều hơn. Kìa, mắt con đang xuyên cành cây, soi thẳng xuống mắt mẹ. Cảm ơn Ly. Mẹ sẽ đi trong ánh mắt nhìn của con.

Đêm qua máy bay chúng nó dong đèn đi suốt, những chấm vàng lao vun vút, qua các kẽ lá mình trông thấy chúng nó, nom như những con đom đóm chạy vội vàng. Chẳng sao, chúng nó không thể làm giảm được vẻ đẹp của rừng trong đêm trăng.

Quảng Nam ác liệt

Phần 1

20-6-1968, trạm 11, Quảng Nam, 4g30 chiều

... Hai hôm nay đi một cách khó nhọc. Hành kinh. Người mình nặng trĩu, mình thường lấy lúc các anh nghỉ giải lao để mình đi vượt lên. Mình đi chậm nhích từng bước một, nghỉ rất ít. Cứ thế, một mình lững thững đi giữa rừng bạt ngàn, chân nứt, lội xuống suối lại buốt và xót thấu ruột. Mà hai hôm nay lại lội

suối khá nhiều, những con suối rộng mông mênh đáy vàng sỏi đá và bên bờ là những rặng cây rủ bóng mát xuống những tảng đá đen trùi trùi trời lên. Đi trong rừng nghe suối hát và ngồi nghỉ ăn cơm trên những tảng đá ven suối sao mà thích thế. Thỉnh thoảng những con đường rắc đầy hoa lại hiện ra. Hoa 4 cánh trắng hồng như sáp, hoa 4 cánh đỏ trắng và nhụy là một chùm đỏ nhô hẳn lên. Hoa rừng mọc li ti đỏ chót bám vào rễ cây. Hoa, hoa... và lá rừng xạc xào...

... Hôm nay có 2 cậu ở bệnh viện Quân khu 5 đi cùng với mình một đoạn. Các cậu ấy cùng cơ quan với vợ Thu Bồn. Các cậu ấy bảo Thu Bồn mới về thăm vợ cách đây một tháng, nói chuyện thời sự...

22-6-1968, trạm 9, đường dây Giải phóng

Hoang mang và khó hiểu tột độ. Chẳng biết ngày mai mình sẽ đi đâu. Nghe nói phải lộn ra 5 trạm nữa. Mệt.

23-6-1968, trạm 10, đường dây Giải phóng

Quay ra. Lại quay ra 4 trạm nữa. Cực khổ. Không biết ngày hôm nay nên vui hay nên buồn. Hai hôm rồi, nghe người ta nhắc đến anh nhiều quá. Hôm qua vào trạm 7, trên đường gặp 3 cậu gửi mắt cái. Mình và anh Nhật, và Thọ, Oách, anh Ngũ đến nghỉ ở đó. Nói chuyện ba loăng quăng, hoá ra ba cậu đó biết anh. Các cậu bảo anh nghe tin mình vào nên từ Quảng Đà về 5 hôm rồi. Vào trạm 9, lại gặp một số anh biết Dương Hương Ly. Sáng nay đi ra, mình đi trước, có mấy cô gửi hàng đi với mấy cậu. Họ hỏi anh Sắc: Vợ BMQ đấy phải

không? Dương Hương Ly phải không? Và họ đuổi kịp mình:

- Tôi cùng nhà với anh Quốc đây, anh ấy đi Quảng Đà gặp anh Phát nói chị đang vào, anh ấy về đợi chị 5 hôm rồi.

Và họ dặn mình ngồi đợi bên suối dọc đường. Anh ấy bảo: - Tôi vào gọi, anh ấy ra bây giờ. Mình, anh Nhật, anh Sắc, anh Hữu ngồi lại đợi. Ôi chao, không ngờ mình 2 lần đi qua cơ quan anh mà không biết. Cơ quan Anh chỉ cách đường mình đi 15 phút đường. Thế mà mình không ngờ được. Một lát, một ông già lông mày rậm và đen đi ra. Mình hỏi luôn:

- Anh Quang phải không?

- Đúng. Sao tài thế.

Thế là gặp anh Phan Huỳnh Điểu. Mừng quá. Anh Điểu bảo: anh mới đi Quảng Đà về đợi mình 5 hôm. Bây giờ anh đi "có việc", ngày kia mới về. Khổ quá. Anh Điểu nói là cơ quan đang làm nhà. Anh em bảo dành cho Quốc một phòng ở đầu hè nhưng Quốc không chịu. Quốc bảo đợi từ nay đến cuối tháng vợ không vào thì nó lại đi công tác. Anh Điểu bảo Quốc không biết đường mà đi đón đâu. Mình gửi anh Điểu mang vào gần hết ba lô bọc trong chiếc túi ni lông xanh. Mình chỉ còn mang theo 2 bộ quần áo, võng, tăng, bi đông, hăng-gô và mấy thứ cần dùng hàng ngày. Đời mình vất vả quá. Mình biết rằng mình chẳng bao giờ gặp may mắn cả. Nhưng dù sao như vậy là anh cũng đã biết mình vào tới nơi rồi. Tạm yên tâm. Chỉ lo anh theo thư mình viết tìm đi đón mình rồi gặp nguy hiểm thì phiền. Nhưng mình đã dặn anh Điểu là đừng đi đón

rồi mà. Tình hình trong này linh tinh quá. Trạm giao liên đưa bọn mình đi sai, phải quay ra 4 trạm nữa mới tới khu tập kết, đợi phân công công tác có khi hàng tuần lễ. Chắc phải lâu nữa mình mới gặp anh. Nhưng không sao, mình sẽ dùng số thì giờ rảnh để suy nghĩ và bắt đầu viết một cái gì đó. Trạm giao liên lẽ không chịu phát gạo. Thế là phải ăn đói, ăn cháo để đi ra khu tập kết.

29-6-1968, trạm đón tiếp của Khu

Hai mái nhà dột nát. Nửa đêm mưa, 10 người bị ngã tất vì hai cây then ngang buộc võng do cột nhà gãy. Lục đục chống mãi, lúc lên võng chưa dám nằm ngay vì sợ lại ngã. Nằm không dám cựa vì sợ cột gãy. Chật như nêm. Chưa hôm nào phải ở chật như vậy. Võng mình chỉ cách võng anh Hữu hơn gang tay, chỉ cựa mình là chạm vào nhau rồi. Bọn chi 2 phải ở ngoài tầng. Trạm có ông Châu và một ông nữa làm nhiệm vụ coi kho gạo và đón người vào. Các ông chả có việc gì, chỉ đi câu cá suốt ngày. Đây, nơi tập kết của mình là như vậy. Chỗ này cách trạm 14 một giờ đường. Bọn mình đến đây từ 8g sáng hôm qua. Không biết còn phải chờ đợi bao nhiêu ngày nữa? Xẩm tối hôm qua, sau khi ăn cơm, mưa đổ xuống như thác. Mình nằm võng nhắm thơ Anh và nhắm lại bài thơ mình làm cho Ly, mình òa khóc.

*

*

*

Hôm ở trạm 13 gặp Trần Thế Dân, Y Văng, Huệ trên đường đi Kông Tum, Gia Lai quay phim về Tây Nguyên. Dân là bạn học cũ trường Chu Văn An của Anh. Cả 3 người cùng chỗ anh, và Huệ với Y Văng lại chính là mấy tay điện ảnh sơ tán ở Nhổn với mình hồi năm ngoái. Mấy tháng nay mới lại trở lại với những bạn bè nghề nghiệp. Bọn mình quý nhau ngay. Vì bọn họ có vẻ quý Anh lắm. Huệ thuộc bài "Cánh chim" và khen hay. Số thơ của Dân chép khá nhiều thơ

anh, có cả “Đà Nẵng ơi mùa xuân”, “Em là đất liền của anh”... Mình chạy đi nấu cơm cho 3 người ăn. Lúc đong gạo, Y Văng nhắc: “Huệ ơi, nhớ không? “. Huệ gật: “Nhớ”. Chả là bọn họ bàn nhau hôm nay bỏ ra một lon gạo cho mình ăn no một chút. Mình xúc động quá vì nó đúng cảnh chiến trường không tưởng được... Đói. Lúc nào cũng đói. Đi công tác như bọn mình cứ là 2 lon rưỡi một ngày (7 lạng). Y Văng trèo cây hái cho mình một bọc xoan rừng vàng thắm và chín mọng, bỏ vào mồm ăn ngọt lịm và có mùi thơm của xoài. Buổi tối, Dân nằm cạnh võng mình, hai đứa nói chuyện đến 10g đêm. Dân bảo mình không nên vào thì phải. Vào đây nhếch nhác lắm, cực lắm, con gái đừng có vào. Đi đồng bằng thì chết như chơi. Khi mình hỏi:

- Anh Văn Cận có nhà không?

Dân trả lời:

- Anh ấy hy sinh rồi. Hy sinh dạo Tết trong lúc duyệt tiết mục văn nghệ của Quảng Đà. Cả đoàn văn công Quảng Đà chết mất cả vì chúng nó thả bom “đút giống” - 9 người chết, trong đó có 3 nữ, 3 bị thương. Sau đó vợ anh Văn Cận được thư chồng báo tin vào, lên tìm thì anh ấy đã hy sinh.

Mình lặng đi vì sững sốt. Anh Văn Cận, người đã đổi cho anh chiếc áo len dài tay lấy nửa lạng sâm, người đi cùng với anh, người đã đến nhà mình chơi và Anh rất quý anh Văn Cận. “Anh ấy tội lắm, anh ấy đi tập kết, chị ở lại Đà Nẵng 14 năm rồi, nhưng anh ấy rất tình cảm với vợ”. Thế mà bây giờ anh ấy vào, mới chỉ làm mấy bài hát ký tên Tân Nam mình đã nghe, trong đó có bài “Mẹ ơi con đã về”. Và anh đã ngã xuống. Khổ biết bao cho người vợ ngần ấy năm vô võ đợi chồng, lúc lên gặp chồng lại là lúc nhận tin chồng đã hy sinh. Bi kịch

quá. Văn học nào tả nỗi nỗi đau ghê gớm như vậy đây?

... Thế Dân chặc lưỡi:

- Cũng bình thường thôi. Cách mạng miền Nam, thế là thường. Xuống đồng bằng mà xem, mỗi người đều có mấy cái tang trên đầu. Quốc hòm nọ bị một mảnh ca-nông vạt đúng cái chóp nón, nếu không cũng chết rồi. Đi cống gạo cũng có thể chết. Mình bị bom mất hết cả máy quay phim, ba lô nữa... Sở bị xém đây này. Cách mạng miền Nam mà, Quý phải làm quen với tất cả đi...

Phần 2

30-6-1968

Từ trạm 13 sang trạm 14, mình đi cùng với Dân, Y Văng và Huệ. Họ đi công tác tội quá. Trong ba lô là một chiếc máy quay phim, một nghìn thước phim, 10 ngày gạo và tất cả đồ dùng, nghĩa là không để ở cơ quan chút gì. Vì đang đi công tác mà cơ quan di chuyển thì ai gửi đồ đạc cho? Thế là mang đi tất. Dân còn trẻ, mới 27 tuổi, da dẻ hồng hào, dáng cao lớn và nhanh nhẹn. Thế mà đeo ba lô vào, mồ hôi đổ ra như tắm. Trên đường, nom cậu ta lúc nào cũng như vừa lặn ở dưới nước ngoi lên. Y Vang khỏe hơn, nhưng khi nghỉ họ vẫn

phải tìm hòn đá hoặc cây đổ để tựa đặt ba lô. Nếu đặt thẳng xuống đất thì không tự nâng ba lô lên nổi. Huệ đã 2 con, từ một giáo viên văn học cấp 2 chuyển sang quay phim. Anh ta có mái tóc xoăn tự nhiên và rất yêu thơ. Huệ yếu hơn hai người kia, chuyên môn đi tụt lại sau cùng, lại rất sợ vất nên mỗi lần nghỉ thường không dám ngồi. Có lần vất bò vào chân, anh ta quăng cả máy quay phim trong ba lô xuống đất. Họ đi chậm như bò ra đường, độ 20-30 phút lại nghỉ. Nom họ đi công tác tội quá. Ấy là chưa kể những nguy hiểm xảy ra ở dọc đường. Mình nói đi nói lại mãi:

- Ở miền Bắc, khi xem phim về miền Nam có hiểu cho không, giá trị từng thước phim của những người quay phim miền Nam?

Không! Họ không thể hình dung nổi những vất vả, khó nhọc thế này đâu. Vai đeo nặng, đường xa, một chuyến công tác kéo tới 6, 7, 8 tháng liền, thế mà lại ăn đói, ba người một hăng-gô cơm. Cứ đến lúc đóng gạo là ba đôi mắt lại nhìn nhau:

- Thôi, đừng đầy vun quá, sau đói chết đấy.

- Đâu, đưa hăng-gô xem nào? Chưa, chưa đủ 2 lon rưỡi đâu, tớ nhìn hăng-gô tớ biết...

Đang đi đường, thấy soạn rừng là Y Văng nhảy tót lên hái. Dân bảo: "Y Văng có nhiều tài lắm, Y Văng bắt được cá dưới suối bằng tay không, thò tay vào hang bắt. Y Văng bắt được cá chình to bằng cổ tay mà chỉ với hai bàn tay không thôi đấy".

(...) Họ thật đáng yêu. Vất vả thế, nặng thế nhưng trong ba lô vẫn có sổ chép thơ. Dân không nghỉ, ngồi bật dậy mượn quyển thơ Tố Hữu của mình chép vội mấy bài. Mình cũng chép cho Dân bài "Núi Đôi". Huệ thích "Gửi sông La" của Minh Khanh. Sớm hôm sau, trước phút mình vào trạm đón tiếp Dân còn vội vàng chép bài Việt Bắc của Tố Hữu. Mình đọc cho Dân ghi mà ghi không hết thì đoàn đã đi rồi. Phải chia tay tiếc quá. Mình bảo: "Tết về ăn Tết nhé".

- Chưa chắc đã về đủ đâu - Dân trả lời.

- Không được nghỉ thế.

- Cách mạng miền Nam phải luôn luôn chuẩn bị tinh thần sẵn sàng như thế Quý ạ.

Nghĩ mà thương họ quá. Nhớ chiều đợi đò qua sông Tranh, chỉ mình và ba người nấu vội mấy hăng-gô cơm bên suối, vừa ăn xong thì trời đổ mưa. Tất cả đeo ba lô khoác ni lông vào rồi đứng chúi vào nhau ở cuối rừng. Mình bỗng nhìn ra cái khuôn mặt dữ tợn của bão rừng. Mưa quất mạnh vào ngọn cây. Ngọn cây như xoắn lại, vặn người đi trong gió mạnh. Không ai bảo ai, mọi người đều đứng xích lại gần nhau. Lạnh run lên. Nhưng mưa không lâu. Bầu trời lại quang đãng và một chiếc cầu vồng bỗng vụt hiện lên ở bên kia sông. Một chiếc cầu vồng rất tròn vẹn, hai mỏm đầu cầu đặt lên những phiến đá nổi lô nhô giữa sông. Cầu in giữa những ngọn cây rừng những vệt màu lộng lẫy mà êm dịu. Mình cứ nhìn mãi những giọt mưa rơi trắng lấp lánh như những

giọt nước nháy nhót trên tầng không. Dân đến sau, cậu ta kêu lên:

- Đẹp quá, có phim màu mà quay thì tuyệt. Có một phim thần thoại trẻ con nào mà quay chỗ chân cầu đặt giữa những hòn đá kia thì tuyệt quá...

*

*

*

Bắt đầu ăn gạo rầy, gạo đỏ từ bữa chiều. Anh Châu xuất kho. Tiêu chuẩn đi đường mới được 2 lon rưỡi, còn ở lại thì chỉ 2 lon một ngày. Chiếc lon gỉ sắt, nhỏ hơn lon sữa bò, đong không được đầy vun mà chỉ gạt lon. Chỉ có cách ăn thật nhiều rau vào. 8 người ăn mỗi bữa 3 hăng-gô chặt rau luộc, 2 nấp hăng-gô cá kho lại một nồi canh lá lốt nấu với muối và mì chính. Hôm qua ăn cả môn khoai nấu nhừ và hôm nay ăn thêm cà ghém muối, anh Sắc, anh Nhật xin ở rầy. Mới ăn xong thì no, nhưng chỉ một lát đã thấy bụng vơi nhẹ đi. Gạo đỏ chỉ xay mà không giã, anh Châu nói đây là gạo sản xuất cách đây 3 năm. Đun sôi sình sịch mãi mới cạn. Mở vung ra là từng hạt khô rời, ăn sậm sịt như gạo xay thối làm mốc tương, ngọt và bùi. So với gạo Đà Nẵng hôm mình ăn với Dân thì kém xa. Gạo Đà Nẵng trắng, hạt to, nấu dẻo như xôi và thơm ngào ngạt. Buổi tối hôm chia tay, Dân và Y Văng nấu 3 hăng-gô cháo đậu xanh đặc, bỏ mì chính và hạt tiêu vào, cháo nấu bằng gạo Đà Nẵng rất sánh, rất thơm. Mình định không ăn, Dân gắt lên:

- Sao lại không? Không được thế. Bọn mình quyết định chiêu đãi mà không ăn à? Phải ăn hết đi. Chả lẽ lại không ăn hết.

Dân múc cho mình một nấp hăng-gô cháo đầy. Mình định sẻ bớt, Dân nhất

định gạt đi. Mình ăn ngắc ngứ mãi. Dân nhìn mình ngạc nhiên:

- Mặn quá hả? Mặn hay sao mà ngắc ngứ thế?

Đến đây mình mới hiểu mấy chữ “miếng khi đói bằng gói khi no”. Có lẽ trong đời mình không bao giờ quên những sự chăm sóc chân thực ấy. Dân có vẻ phớt đời và bướng. Cậu ta vừa được kết nạp vào Đảng hồi Tết. Cậu ta là con cả trong một gia đình đông em gái và bố mẹ hết sức chiều chuộng... Trên đường đi công tác, cậu ta luôn mang theo một tổ ấm, hình ảnh dịu ngọt của một gia đình hạnh phúc giữa thủ đô. Người con trai Hà Nội ấy xông pha trong lửa đạn một cách dũng cảm và ngang nhiên nhưng rất Hà Nội trong tình cảm: “Em gái mình nó lo cho mình lắm... Em gái mình không thích ăn ruốc bông nhiều đâu, nó thích ăn ruốc không bông lắm mới có nhiều thịt cơ... Con bé láu thật... Hồi ở Hà Nội mình hay đi chợ với bố mẹ mình lắm. Nhớ Hà Nội không thể tả...”.

7-7-1968, trạm 11

Hôm nay đi chậm như sên. Chân mình nứt ra đau nhói. Sao mà khổ thế. Vừa đi vừa lo cho đoạn đường cuối cùng. Trạm giao liên 11 và 10 này đã bỏ. Giao liên không đi đường bọn mình đang đi nữa vì chúng nó đánh chỗ đường 16 ác liệt quá. Hai lần vượt đường 16 trước chúng nó chỉ thả bom B52 còn tránh được bằng cách đi đêm, bây giờ nghe anh em nói nó lại pháo kích nữa. Thế là anh em quyết định 12g trưa mai mới đi để sớm ngày kia vượt đường. Lẽ ra thì 12g trưa mai mình có thể tới Anh được nhưng thế này thì ngày kia 9-7 mới tới. Mà những nguy hiểm gì đang chờ mình? Kể cũng run thật. Giá đi với đoàn K185 của mình thì mình lại yên tâm hơn đi với mấy ông lạ lẫm và hay sợ này. Khổ cho mình quá, hết khó khăn này đến khó khăn khác. Đi bây giờ là đi tự

do, chẳng còn giao liên nữa vì đi theo đường giao liên thì phải mất thêm 2 ngày nữa nên bọn mình đi đường này gần hơn. Thôi liệu vậy, biết làm sao.

Đến ở lại mái nhà giữa bãi trú quân hôm xưa 8 anh em đã ở. Có mấy ông ra năn nì bọn mình đổi gạo lấy muối:

- Chúng tôi đi công tác, 15 hôm nay toàn ăn sẵn, chưa có hạt gạo vào bụng. Các đồng chí đổi cho tôi về nấu cháo cho anh em ồm.

Chả ai nhúc nhích. Mình thấy thương quá liền đánh liều trút ra một lon gạo. Họ trút cho mình một lon muối. Tội quá. Một lon gạo có 5đ, một lon muối những 25đ, thế mà họ còn năn nì mình đổi cho nửa lon nữa (...). Gạo, muối... Càng ở đây càng thấy giá trị của hạt gạo thật ghê gớm.

Phần 3



Nhà thơ Thanh Quế - bạn cùng cơ quan với Dương Thị Xuân Quý trong những năm chống Mỹ, chụp ảnh lưu niệm với cụ Nguyễn Xuân Đồi - người có công giúp đỡ anh em văn nghệ thời chiến tranh. Ảnh : N.Đ.AN

10-7-1968, Chi hội Văn Nghệ Trung Trung Bộ, 1g chiều

* "Nhật ký chiến trường" : Quảng Nam ác liệt (p1)

* "Nhật ký chiến trường" : Quảng Nam ác liệt (p2)

2g chiều qua, 9-7, ngày Ly đầy 19 tháng, mình đã tới và gặp Anh. Mới một ngày trôi qua mà mình đã cảm thấy muốn ra đi và đôi lúc lặng buồn. Anh nói đúng, "sống giữa một tập thể toàn những người độc thân và cô đơn thì sự đoàn tụ của những cặp vợ chồng lại trở nên cô độc". Mình cảm thấy mất hết cả tự nhiên và thoải mái. Cái cảm giác cứ ngấm dần vào người. Sang báo Cờ Giải phóng ngay đi, làm việc ngay đi, đi sản xuất ngay đi... Ôi, khổ quá. Chắc không ai hiểu nổi sự thay đổi đột ngột này. Bểng giờ hôm qua mình còn nguyên vẹn sự hăm hở đến với Anh. 7g sáng đi, đến 10g nghỉ lại, đi, và lạc 2g liền. May gặp anh Chắt (họa sĩ) đi công tác về, mình và anh ấy lần theo dấu đi của anh Huy Quang (Phan Huỳnh Điểu) hôm nọ và 20 phút sau thì nghe thấy tiếng chặt cây. Leo lên, hóa ra căn nhà của Anh đã lù lù trước mặt. Anh cười trần, mặc quần đùi chạy ra đón : "Anh vừa đi đón em xong mà không gặp". Trần Tiến (nhà văn - liệt sĩ Chu Cẩm Phong, tác giả truyện ký Mặt biển, mặt trận, Rét tháng giêng và Nhật ký Chu Cẩm Phong - BT) mới đi Hội An về được ít phút. Anh Chắt đi vẽ Kông Tum 3 tháng lại về cùng với mình.

Căn nhà của Văn Nghệ ồm lên. Anh Phan Huỳnh Điểu xanh và gầy đang hì hục đào hầm. Chiếc hầm hình chữ nhật nằm giữa nhà, cạnh chiếc bàn ghép bằng que để mấy tờ báo và bi đông nước, bát, cốc, thìa. Bên trên bàn (chỗ đầu gian) là chiếc giường ngắn và hẹp nối với chiếc bàn nhỏ ghép bằng cây rừng của anh Phan Huỳnh Điểu. Bên dưới bàn (phía gian cuối) là bếp Hoàng Cầm, là

giàn củi, là hăng-gô, là chậu nấu canh... Một chiếc giàn để ba lô nằm song song với chiếc hầm. Đây, tất cả cái nhà Văn Nghệ chỉ có thế. Tổng cộng chưa được một gian nhà to. Ấy là còn khá hơn những lần ở cơ quan (chỗ cũ) trước đây. Trước thì chỉ là "lều" Văn Nghệ thôi. Buổi tối Chu Cẩm Phong mắc võng một đầu nhà. Anh Điếu mắc võng chéo hầm (cái hầm chưa đào xong, mới chỉ sâu quá đầu gối). Trên võng anh Điếu là võng của anh Trần Hữu Chất. Rồi một đầu nhà là võng của Anh. Bên cạnh võng Anh, mình nằm giường. Nhìn anh Điếu xanh và gầy chui tọt xuống hầm nằm võng dưới những khúc cây dát ngang, mình thấy tội quá. Hầm chật và nóng. Bên trên lại có võng anh Chất án ngữ, quá ngọt ngào. Mình thấy lòng nặng trĩu khi "phải" nằm bên anh. Thật là một hình phạt. Chắc anh cũng cảm thấy thế nhưng anh sợ mình buồn, anh không dám nói.

Anh em rất tốt.

"Quốc lên giường mà ngủ. Vợ chồng lâu ngày mới gặp nhau, nói chuyện nói trò chứ. Chúng mình thông cảm".

Khổ quá. Họ là ai ? Anh Phan Huỳnh Điếu xa vợ từ 3 năm nay. Trần Hữu Chất vừa vào được nửa năm, đi Tây Nguyên về 3 tháng. Tưởng về nhà có thư vợ, anh bảo : "Thế nào tôi cũng có thư, và đây là niềm vui duy nhất sau chuyến đi này". Nhưng thư không có. Còn Chu Cẩm Phong - Ôi, sao mà khổ thế, người yêu của Phong là Phương Thảo mới hy sinh. Phong vào đã hơn 3 năm rồi mới được về Hội An quê hương nhưng "Tao vẫn không được gặp mẹ mày ạ. Nhớ mẹ quá chừng. Mẹ tao có gửi tiền ra cho tao, tao mua một cái Sony bấm... Sau đợt hoạt động vừa rồi, mẹ tao bị bắt rồi. Chị tao không có tin tức. Tao lo thẳng em tao bị bắt lính quá (năm nay nó 15 tuổi)..." (Thư Phong viết cho Anh). Mình thương cậu ta quá. Cậu ta bằng tuổi Anh, vui tính và hay chuyện tào lao. Trước họ, mình chẳng biết nói gì cả. Vào đây, mình thấy nhiều bi kịch quá. Anh Thu, người đi cùng với mình đoạn đường hôm qua cười thản nhiên :

- Con gái tôi năm nay lên 9, vợ tôi bị địch giết từ năm 1963 rồi...

Đấy, xung quanh mình toàn những người như thế. Mình cảm thấy lạc điệu quá. Mặc dù sự "lạc điệu" đó chẳng do mình gây ra. Chưa bao giờ mình thấy lạ lùng như lần gặp Anh kỳ này. Như thế là vừa chẵn 14 tháng chúng mình mới lại nằm bên nhau. Nhưng ngay cả những giây phút ấy, mình và Anh đều cảm thấy ngại ngùng và khó chịu quá, mặc dù chẳng ai nói với ai. Nhớ vô cùng 195 (tức số nhà 195 Hàng Bông, Hà Nội, gia đình của Dương Thị Xuân Quý - BT) thân yêu. Kể với anh những nỗi khổ ở "nhà tù 47HC". Mừng nhất là anh đã thấy việc mình ra đi là hết sức đúng. Lo nhất là cái "gu" văn nghệ trong này xem chừng khuôn phép và lên gân lắm. Đọc truyện ngắn "Cô bé" của anh đăng trong Văn Nghệ Giải Phóng miền Trung số 2. Đó là một ghi chép tốt chứ không phải một truyện ngắn. Anh chưa viết thêm được gì ngoài những cái đó. Những bữa ăn, gùi gạo, gùi mắm, chuyển cơ quan, đào hầm lẩn chiếm thì giờ của Anh. Cấp dưỡng cơ quan đi sản xuất, thế là phải nấu lấy.

17-7-1968

Có tiếng bên Điện Ảnh nhốn nháo:

- Nó bỏ ngay đầu mình rồi, nên tránh đi thôi.

- Anh Sơn ơi, thế nào đây ?

- Trần Tiến ơi, thế nào ?

- Làm sao bây giờ ?

Giọng ông Đồng cuống quýt. Rồi các ông ấy kéo nhau đi ngược suối vào trạm 9. Lúc ấy là 2g30 sáng. Mấy anh em Văn Nghệ cũng định vào. Tất cả đã xếp tầng võng, mang ba lô để sẵn miệng hầm. Bên Điện Ảnh đi nên mấy anh em có hầm cả. Mình và anh cùng lên một cái hố hình chữ nhật độ quá đầu gối, có một lớp mui mỏng dính và ngăn ngùn. Thực ra chả biết đi đâu giữa đêm thế này. Có khi đi lại hóa ra là đi đến chỗ chết. Thế là chui xuống hầm ngủ (...). Lì ra rồi. Căng thẳng quá rồi, con người trơ ra và chẳng còn nghĩ đến cái chết. Thế là 4 đợt với 12 lần B52 giã xuống trong một đêm. Kinh khủng quá (...). Xuống suối mới thấy là mấy anh em đã thoát chết trong một tình trạng rất hiểm nghèo. Dưới suối, cách tầng võng của bọn mình chừng 30m là hố bom, là đá, là đất và lòng suối chiều qua còn trong vắt nay đục ngầu lên. Nước xám ngoét đầy đất. Bắt đầu từ đó, một bãi bom B52 với những hố sâu như những cái đĩa lớn liên tiếp hiện ra. Đường tắc. Chúng nó ném trúng con đường mòn giao liên mới ghê chứ. Cây đổ, đất vàng trơ ra từng bãi rộng (...). Phản lực rít réo trên đầu với những luồng bom man rợ trút xuống. OV10 vè vè ong ong. Thỉnh thoảng bọn mình phải ngồi thụp xuống giữa bãi trống và ngay bên miệng hố bom đợi OV10 đi qua. Mình ngược lên thấy rõ cái hình thù xám ngoét với hai thân song song của nó đang lừ lừ đi như một con mụ giám thị trường học thời thực dân. Cứ thế mà đi suốt 2 giờ mới hết bãi bom B52 (...). Có đi qua mới thấy lạ, không hiểu sao luồng bom tới đúng bãi trú quân của bọn mình nó lại chệch từ sườn núi xuống suối. Nếu nó nhích một chút xíu thôi thì tất cả bọn mình đã ngòm hết rồi. Mà cũng không hiểu sao đến đúng chỗ mình là hết hố bom. Tuy vậy, dầu sao bọn mình cũng đã nằm gọn trong tọa độ bom B52 rồi. Qua khỏi, nghĩ lại mới thấy hãi hùng. Anh em ở trong này đã 2, 3, 4 năm

nhưng cũng chưa mấy ai trải qua một trận B52 dữ dội như thế. Hôm nay anh Phan Huỳnh Điểu từ Ban về A7 (A7, A8, A10 ... là mật danh của các cơ quan khu 5 - BT). Anh Điểu nói ở bên ấy tuy rất xa mà ông P.H tỏ ra rất sợ hãi, cứ hỏi : Ở trong này các anh có bị thế mấy khi không ? Ở đồng bằng có thể không ?

Mình thì cũng sợ. Nhưng nỗi lo sợ thường tan biến rất nhanh. Lạ thế. Trận B52 ghê gớm ấy tuyệt nhiên không để lại trong lòng mình một dư âm gì khiến mình chùn bước. Mình vẫn còn nguyên vẹn cái hăm hở khi bước vào tiền tuyến. Vẫn còn nguyên vẹn tấm lòng thiết tha đi đồng bằng.

Phần 4



Các nhà văn Vũ Thị Hồng, Nguyễn Chí Trung và Nguyễn Ngọc trò chuyện với cụ Đồi ở Bắc Trà My, người cưu mang anh em văn nghệ Khu 5. Ảnh: N.Đ AN

18-7-1968

(...) Từ hôm đến A7 này mình cảm thấy rất dễ chịu và may ra có thể tranh thủ làm việc được. Mình và Anh được ở một căn nhà nhỏ của vợ chồng ông Huy bà Tú bên Thông Tấn Xã ở trước. Góc trong cùng là một chiếc hầm hầm ếch có mui thông ra ngoài. Kế trước miệng hầm là chiếc giường một. Chân giường là những chạc cây cắm xuống đất và dát giường là cuống những tàu lá cọ dài và dẹt đã bóng lên màu da bò. Thú vị nhất là chiếc bàn nhỏ có ghế đàn hoàng. Ban ngày và ban đêm đều có thể làm việc được. Nhà được che kín bằng những "bức tường" ghép bằng lá cọ. Xinh xắn và đầm ấm quá giữa khu rừng bằng phẳng trên đỉnh một ngọn núi cao đứng. Ở đây không sợ pháo kích vì núi rất cao, nhưng đêm thì lạnh buốt. Nửa đêm, Anh phải dậy lấy áo len mặc.

29-7-1968

Sau 7 ngày đi cống các thứ còn bỏ lại ở A8 về A7, 12g trưa hôm qua 4 anh em mới về đến nhà. Thật chưa bao giờ vất vả như chuyến đi này. 6g sáng 22.7 thì ra đi. 3g30 chiều ngủ ở Đội 6. Lo pháo. Nửa đêm mình và Anh phải chui xuống hầm. 11 người mà chỉ độc một cái hầm. Mấy tốp người kia cứ muốn đùn bọn mình ra bãi ngủ. Thật tệ. Hôm sau vào A8. Lạc đường mãi ở chỗ bãi bom B52. Đi nhanh vùn vụt. Lạc hoài. Gai góc và cỏ rậm. Chân mình lấm tẩm mụt. Dưới ngón chân trầy da xót như cào cào mỗi lần lội suối. Mãi 4g chiều mới đến A8. Dọc suối vào, cây đổ, đất lở và những hố bom hiện ra. Càng vào gần nhà bom càng nhiều. Cả một khoảng rừng bị bạt đi vì bom. Nước suối vẫn còn ngấu đục vì đất xói lở, và ghê gớm hơn là ngay trước cửa nhà Văn Nghệ, một hố bom sâu hoắm, tròn loe ra như một cái ao lớn nằm lù lù chắn lối vào nhà, một cây to đổ ngang. Cửa bật tung. Đất bắn vào quanh nhà lấm bụi. Ghê thật. Thì ra ngay chưa đầy một ngày sau khi bọn mình chuyển, bom đã dội xuống. Lại

một lần thoát chết.

(...) Mình tiếc ngơ ngẩn mấy tập giấy trắng nên cố mang theo một tập và tập truyện ngắn “Về làng” của Phan Tứ. Ngay cả tập này mình cũng chưa đọc ngoài mấy cái “Con đĩ”, “Trong đám mía” và “Hai anh em”. Mình cảm thấy nếu không được đọc thì y như dao không mài, khó mà viết nổi về cái Khu 5 rất xa lạ với mình này.

Buổi tối ra đến Làng Dân (Ban Dân Y Khu - BMQ) thì đã 5g chiều. Trời mưa. Đường dốc, vất vả và muỗi. Bình thường từ A8 ra Làng Dân chỉ đi 2g đường thôi. Gặp anh Nhật về lấy đồ. Thì ra bọn mình ngủ lại đúng cơ quan cũ của anh Nhật. Bọn anh Nhật nhặt được ít bắp ngô bị B52 phạt trụi. Mình nướng ăn. Sôi bụng cả đêm. Sáng hôm sau 9 lần đi ngoài toàn nước. Thông và Anh cũng bị như thế. Chắc ngô có chất độc hoá học. Chúng nó thả chất độc hoá học vùng này ghê gớm quá. Mới hôm nào mình đi từ trạm 10 vào trạm 9 rừng hãy còn xanh tốt. Thế mà bây giờ cây đã khô đi. Lá rũ xuống những cành tái nhợt. Một thứ màu nâu xám ngoét. Cả một vùng rừng trụi. Đường giao liên đi xuyên giữa khu rừng bị chất độc hoá học. Nom tàn khốc biết chừng nào. Mình dẫm lên một hòn đá bập bênh giữa lòng suối. Ngã. Gậy gãy. Mặt dâm vào khe đá và người gieo xuống đá. Anh tái người đi. Mặt anh nhăn lại vì đau đớn. Mình cố bật cười để xua tan nỗi lo cho anh. Tối vừa nằm lên võng thì chiếc cọc gãy. Cả anh và mình đều ngã. Chân mình bị đá va vào trầy da. Mình tru tréo lên. Thật xấu quá. Tại sao có lúc mình lại cáu kỉnh với anh vô nghĩa lý như thế? Đêm ấy ngủ dưới hầm, nhưng yên ổn. Mấy hôm nay máy bay và pháo của nó ít hoạt động hơn. Chiến sự đang dữ dội ở Quảng Ngãi. Tiểu đoàn biệt kích đổ bộ xuống rẫy bắp đã rút, có mấy cán bộ cơ quan X đi nhặt được tới 3 gùi đồ hộp. Chúng nó cũng không sục sạo mà mình cũng không nổ súng gì cả. Nghe nói đêm 14.7 cái đêm B52 dữ dội ấy 17 bộ đội ở trại sản xuất chỗ rẫy bắp bị chết và 2 người bị thương.

Từ Làng Dền, hôm sau mấy anh em lại lạc đường mãi. Tối B2 đã 1g30 chiều, mà bình thường chỉ đi 1 tiếng đồng hồ. Trời vẫn mưa tầm tã. Đường qua bãi bom nhão nhoẹt vì sụt lầy và đất dính. Chân cứ muốn tuột ra ngoài dép. Nguyên do một lần bị lạc là tại ông Chắt đi trước ông ấy mang nhẹ nên luôn vượt lên trước qua bãi bom B52, nghe tiếng máy bay, ông ấy sợ quá, thế là không nhận ra đường được nữa. Mình nhào người lên dốc B52. Chân sụt xuống bùn, tay chống xuống, bò. Chiếc gùi cứ đè và xói vào lưng nặng trĩu. Nước mắt mình ứa ra. Mình khóc. Ngay lúc ấy mình cũng thấy vô lý quá, nhưng mình không thể cưỡng lại được. Chẳng phải mình sợ khổ đâu, có lẽ mình thấy tủi cực vì cái quan niệm về số phận ám ảnh. Mình luôn thấy những khó khăn, những vất vả cứ nhắm mình mà đay nghiến, mà hành hạ. Vượt bãi bom, bọn mình ăn cơm ngay bên miệng một hố bom nhão nhoẹt. Muối, ruồi, kiến bu vào những nốt mụn loét ở hai chân mình. Ăn cơm với mắt cái lại càng hút ruồi muỗi đến mạnh. Không có lấy một chỗ ngồi, đứng nhấp nhੌm, ăn vội vàng rồi đi vào B2. Anh mệt quá, đòi nghỉ lại. Nhặt được ít chuối khô lại đem nấu canh, và rang ngô ăn.

30-7-1968

(...) Thực sự mình vẫn chưa thấy gì là khổ sở, chưa thấy tư tưởng bị dao động vì những nỗi cực nhọc ở đây. Trái lại, mình bắt đầu thấy tha thiết yêu cái khúc ruột miền Trung mà mình đang sống này. Mình có cái tình gắn bó và thông cảm với Khu 5 y như hồi mình bắt đầu về Quảng Nạp để đẻ ra "Đất cằn". Lạ ghê. Trước đây mình rất ghét Khu 5, chỉ yêu Nam bộ và Huế. Bây giờ vào Khu 5, cái hấp dẫn mình trước hết, cái lôi kéo mình trước hết lại chính là cái khổ của Khu 5 - mảnh đất trung dũng kiên cường đi đầu diệt Mỹ. Cán bộ Khu 5 đi gùi công và lo ăn nhiều hơn Nam bộ và Trị Thiên. Cơ quan phải di chuyển nhiều hơn. Nhất là giai đoạn này lại càng ác liệt gấp bội... Hôm nay lẽ ra bọn mình xuống gần chợ Phú Thuận cấy gạo, nhưng bên nhà in đi lại phải quay về vì chúng nó càn.

Thế đấy, mảnh đất mà mình đang sống nó giống hệt như con người mình: vất vả, cực nhọc. Mình sung sướng được có mặt ở đây đúng vào giai đoạn gay go quyết liệt nhất của cuộc chiến đấu. Mình sung sướng được chịu đựng và vượt qua tất cả gian khổ vì đã gặp một mảnh đất đồng điệu với tâm hồn mình.

31-7-1968

... Bắt đầu "Hoa rừng" (Tác phẩm của Dương Thị Xuân Quý, gồm các truyện ngắn, bút ký viết trên miền Bắc và trong thời gian ngắn ngủi ở miền Nam - BT). Chật vật nhưng kiên nhẫn. Muỗi. Muỗi nhiều vô kể. Chúng nó luôn phá hoại sự yên tĩnh của mình. Nhưng dẫu sao cũng sướng hơn cái cảnh viết vụng trộm ở 47HC. Cứ nghe tiếng guốc là giật thót mình. Thật ghê tởm. Kể cũng hay. Cuối cùng thì con ngựa bất kham này đã vượt khỏi hàng rào dây thép gai ấy rồi.

3-8-1968

(...) Gạo bắt đầu thiếu mà địch lại đang càn ở Phú Thuận nên chưa xuống gùi được. Chiến dịch X2 đã mở màn. Ta đánh mạnh vào Đà Nẵng và bắc Quảng Nam. Tình hình càng gay hơn, mỗi tháng mỗi người phải tiết kiệm 2kg gạo bằng cách ăn thay 4 ống mì nhãn hiệu "Ông Phật". (...) Sáng nay ngồi nói chuyện với Anh về Ly và Liên, về 195 Hàng Bông. Nhớ nhà quá. Đêm qua nhớ 195. Nhớ từ hạt bụi, từ chỗ Ly ngồi chơi, mình bỗng khóc oà lên. Kinh khủng quá. Xa 195 quá rồi trời ạ. Mình nhớ những buổi tối bạn bè, những ngày bận rộn và vắng vẻ ở 195. Rồi lo cho Ly...

Phần 5



Nhà thơ Bùi Minh Quốc (đứng thứ hai từ trái sang) cùng bạn bè văn nghệ viếng mộ nhà thơ - liệt sĩ Nguyễn Mỹ khi về thăm lại vùng chiến khu xưa Trà My - nơi nhà văn - liệt sĩ Dương Thị Xuân Quý từng sống và chiến đấu. Ảnh: N.Đ.AN

Chủ nhật 4-8-1968

Ăn đói và thiếu thốn. Trưa hôm qua mỗi người chỉ được một bát bắp hầm. Anh bảo: “Giá đừng ăn thì lại đỡ đói”. Mình cũng thấy thế. Ăn xong về nằm lịm đi trên võng. Đói quá. Bực dọc vì đói thì không thể ngồi làm việc được. Mình rất sợ lãng phí thời gian. Mình muốn cứ thiếu thốn, cứ bận bịu thế này mà vẫn có những sáng tác tốt. Có khi chính những việc làm của mình sẽ kích động Anh, để Anh cũng say mê làm việc và quên bớt những gian khổ thiếu thốn. Nhưng đã có lúc mình bất lực. Mình cũng nằm dài và để thời gian vùn vụt trôi qua vô vị. Mình ngồi phắt dậy và rơm rớm nước mắt. Anh hỏi:

- Sao em khóc thế?

Mình chịu không trả lời được. Mở cuốn chép thơ của Anh đọc lại thơ tình và đọc lại bài "Đà Nẵng...".

(...) Sáng nay Anh và anh Chắt, và Thông lại xuống chợ Phú Thuận gửi gạo. Nghe nói địch rút rồi. Nếu chiều mai ba người không về thì sáng ngày kia mình, Trần Tiến (Chu Cẩm Phong - BT) và Tam sẽ xuống. Thế là phải xa anh hai ngày hai đêm. Chả thà sang báo Cờ Giải phóng thì lại đỡ. Đang ở với Anh, nay bỗng Anh đi. Cái nhà trở nên vắng lặng. Chắc mình cũng sắp phải xa Anh rồi (...). Phải nói ở gần Anh cũng thích nhưng trong hoàn cảnh này, gần nhau quá, hạnh phúc quá sinh chướng. Vả lại cũng làm mất thì giờ của nhau. Chẳng hạn có đêm muốn làm việc nhưng lại có Anh bên cạnh, không thể nào ngồi yên được. Nằm và nói những chuyện bâng quơ. Thế. Thế là giết thời gian. Rồi Anh mà ít sáng tác được hơn trước, người ta sẽ đổ tại mình.

Hôm nay muỗi quá phải chui vào võng có bọc dù nằm đọc lại "Bông hoa súng" của chị Thường (nhà văn Vũ Thị Thường - BMQ). Phải nói rằng chị Thường biết đưa những thực tế mới ở nông thôn vào truyện ngắn rất ghê. Những chuyện chính mình cũng đã thấy, đã suy nghĩ mà sao mình chưa hình thành được một truyện ngắn? Rõ ràng bà ấy có phong cách và truyện nào cũng đề lên được vấn đề cho người ta suy nghĩ... Chiều qua, nghe anh đọc một số đoạn các báo thế giới bình luận về phim "Vĩ tuyến 17" của Y-ven. Mình nghĩ mãi về sự say mê với nghệ thuật của nhà nghệ sĩ lớn đó. Phải có sự say mê và cái nhìn sắc sảo như ông ta. Bắt đầu từ mai, mình phải vượt lên mà ngồi viết mới được.

9-8-1968

...

Ly của mẹ,

Mẹ báo một tin để con mừng nữa là ngày hôm nay mẹ bắt đầu làm người lính chính thức của Tiểu ban Văn nghệ rồi. Hôm nay, ngày thứ nhất của cuộc đời mới. Hôm nay Ban (Ban Tuyên huấn Khu 5 - BMQ) đã quyết định chính thức cho mẹ ở văn nghệ. Thế là con ơi mẹ đã hoàn toàn thoát khỏi sự ràng buộc của cái nghề làm báo, cái nghề nó làm hỏng văn của mẹ. Dù mẹ làm một binh nhì (hiện nay) của văn nghệ, mẹ còn sung sướng gấp trăm lần làm một phóng viên ở 47HC. Mẹ đang rất ngỡ ngàng, dốt nát, nhiều khi ngu ngốc nữa về nhiều mặt của văn nghệ. Mẹ giận mình quá. Nhưng phải tiến dần.

Bắt đầu từ hôm nay. Từ hôm nay... Ly, bé Ly yêu dấu của mẹ ơi. Hôn con. Hôn con. Hôn con.

16-8-1968

Mưa. Chiều nào cũng mưa. Đêm lại mưa. Nhà dột, hai vợ chồng mình phải nằm co. Mấy đêm pháo bắn gần, phải nằm giường. Thương Anh vô hạn. Mình khỏi sốt hôm 12-8 đến 13-8 thì khỏi hẳn và bắt đầu họp Tiểu ban Văn nghệ

học tập lời kêu gọi của Bác nhân dịp 20-7.

19-8-1968

Đêm hôm qua mấy anh em ngồi quây quần quanh bếp lửa nghe ca nhạc Cách mạng Tháng Tám đến gần 10g. "Du kích ca", "Bắc Sơn"... Nghe "Bắc Sơn" muốn khóc. Nghe bài "Đoàn Vệ quốc quân một lần ra đi..." của anh Phan Huỳnh Điểu đúng lúc anh Điểu và mấy anh em đang bàn chuyện đối. Địch chốt Phú Thuận, Tý Sé... Chốt các nguồn chuyển gạo của mình từ đồng bằng lên (...). Gay quá. Mấy anh em bàn ăn cháo từ ngày mai, từ 2 lon xuống 1 lon rưỡi, mỗi bữa nửa lon, nấu cháo. Lẽ ra ăn từ hôm nay, nhưng ngày hôm nay là ngày tiễn BMQ (Bùi Minh Quốc - BT) đi Quảng Đà. Ngày mai, sớm mai Anh của mình sẽ đi Quảng Đà... Anh đi Quảng Đà chuyến này mình hơi lo. Ác liệt và gian khổ. Đêm qua mình khóc. Nghĩ đến tai họa có thể xảy ra với Ly. Thương Ly bồn chồn. Mình bảo Anh:

- Dù sao thì Tiểu ban Văn nghệ cũng 2 người hy sinh rồi (Phương Thảo và anh Văn Cận). Anh đi chú ý cẩn thận...

Rồi mình lại lo anh mất tinh thần. Mình động viên Anh:

- Nói thế chứ sợ quái gì. Bao nhiêu người vẫn sống trong tầm pháo địch...

20-8-1968

Nắng rồi. Đổ mưa rồi. Cả khu rừng sáng bừng lên chúc mừng chuyển đi của Anh. Anh đã đi Quảng Đà lúc 6g15 sáng nay. Mình phải chuẩn bị tinh thần từ hôm qua. Suốt ngày lặng lẽ, mình và anh mỗi đứa một chỗ và cùng đọc xong "Mặt trận trên cao", tiểu thuyết của Nguyễn Đình Thi. Sau buổi ca nhạc tối, hai đứa về văng vẳng. Một mỗi. Chẳng nói gì với nhau cả. Sớm nay Anh được một hăng-gô cơm với, ăn hai bữa. Bữa sáng được 4 lưng ca sắt và bữa trưa là một nắm cơm nhỏ bằng bìa đậu. Anh gầy, đeo chiếc ba lô nhỏ xíu và mặc chiếc quần đùi xanh. Mình ngồi chờ Anh ở cái nhà nhỏ ẩm ướt mà lâu nay hai đứa vẫn chui ra chui vào. Anh chìa tay "Nào/ đồng chí/ bắt tay" (thơ Nguyễn Đình Thi). Mình ngoảnh mặt đi, cố nén, cố nén... Anh có biết không, nhìn Anh lúc ấy thì em khóc mất. Em không muốn để cho ai biết là em rất khổ tâm khi phải xa Anh. "Em ở nhà giữ gìn sức khỏe nhé. Hành kinh thì báo cáo thật với các anh ấy". Mình chẳng nói gì cả. Đưa anh sang bên bàn ăn cơm. Anh bắt tay anh Điểu, anh Tiến, anh Giai, anh Chắt - "Đi nhé! ...", và anh nhìn mình hai lần. Mình cười, mắt ráo hoảnh. Anh đi rồi, anh Điểu bảo:

- Hồi Mỹ đi công tác, Phương Anh khóc. Con nít ấy mà. (Mỹ quay phim, chồng Phương Anh).

Anh Tiến:

- Có khóc mới ra phụ nữ chứ.

Mình cố bình thản ngăn những giọt nước mắt đầy ứ. Đêm 19-8 mình đã bảo Anh: "Em không đi tiễn Anh đâu. Chướng lắm". Mình muốn đi với Anh một

quãng, nhưng phải nén lại. Cái gì cũng phải nén lại, thật khổ vô cùng. Mình buộc phải đứng nghe nốt 15 phút ca nhạc sáng mà hình như không nghe thấy gì cả. “Cánh chim” - đêm qua anh nhắc “Cánh chim” và sớm nay mình đã hôn vào má anh và nói lời tạm biệt rồi: “Thôi, đi nhé”. Mình lạ thế. Không bao giờ mình muốn tình cảm lộ liễu quá. Nghe ca nhạc xong, tất cả giải tán. Mình về căn nhà nhỏ ghi những ngày ở A7 của hai đứa và mình khóc, khóc mãi. Nhớ và thương Anh quá. Anh đi, một mảnh ni lông che mưa không có, chỉ có nửa mảnh nhỏ rách tươm. Bảo Anh mang ni lông của mình đi, anh nhất định không mang. Thuốc đánh răng không có. Có chiếc thìa lại cụt.

... Sáng nay, cái Vân bên nhà in sang chơi. Vợ chồng nó cưới nhau được 2 tháng thì vào (...). Con bé con chị Diệp (cũng ở Phụ nữ Khu) mới lên ba. Nó gầy và đen. Mẹ đi công tác vắng. Chơi tha thẩn ở mé đồi cả ngày. Thèm ăn nhưng không dám đòi. Hỏi: - Lớn lên cháu làm gì? Nó bảo: - Cháu đi học, rồi làm cán bộ.

- Bố cháu đâu?

- Bố cháu hy sinh rồi.

Muốn khóc. Bé thế mà nói hai chữ “hy sinh” gọn không. Và mẹ nó đã dạy nó dùng hai chữ “hy sinh” chứ không phải “chết”. Ghê thật. Phải làm việc thế nào cho những đứa con ta đây?

Mình bây giờ đã quân sự hóa hoàn toàn. Đến cái dây phơi cũng đã cuộn vào ba lô từ hôm qua. Tất cả đã được xếp vào ba lô gọn gàng. Sổ sách cho vào túi

vi-ni-lông nhỏ. Để trên bàn. Viết gì thì lấy ra. Có lệnh, chỉ 10 phút là mình đi ngay được. Bao gạo đã giặt, đã vá víu cẩn thận. Gùi đã lồng ruột ni lông và thắt quai. Mình bỏ ra mấy ngày xếp dọn cho gọn gàng. Chưa bao giờ cuộc sống của mình cơ động như bây giờ.

Phần 6

23-8-1968

Hôm qua 8g đã đi ngủ. Sáng 4g dậy, bây giờ đã cay xè mắt. Cả đêm gió ào ào và B57, B52 của nó liên tục bỏ bom xa. Mùa thu, mùa thu êm dịu và lạnh đã tới. Đường Lý Thường Kiệt lại đẹp lắm đây. Hà Nội bớt nóng chưa?

Ly ơi, con lại cô đơn quá, mùa đông này con không được vòng tay vào cổ mẹ và không được mẹ ôm vào lòng như năm ngoái nữa. Khổ thân con thôi. Một nỗi hối hận vò xé lòng tôi. Biết thế tôi không đi nữa hoặc chờ Ly lớn một chút, gửi vào trại dã. Tôi vội vàng quá. Ly ơi, mẹ còn xốc nổi quá. Mẹ chưa đáng là mẹ mà con đã ra đời. Tội thân con thôi.

Vừa viết được vài dòng thì Thu Bồn và Hồ Ngọc Sơn sang chơi. Thu Bồn tốt thật. Mình thích cái tính dễ gần của Thu Bồn. Thu Bồn bảo: "Suốt một tháng nay bên ấy ăn ngày có một lon rượu bắp. Mỗi bữa một người được một bát bắp hầm. Ngồi nhà viết truyện anh hùng nóng ruột quá. Nóng ruột vì chiến trường

đang kêu gọi. Và nóng ruột vì đói. Tối nằm suy nghĩ, hôm sau viết cái phần suy nghĩ tối hôm trước. Đến 9g30 sáng là ngó xuống bếp, chờ đợi, loanh quanh đón bữa cơm. Không làm gì được. Chiều thì 4g đã đứng dậy. Ồm, khá nhiều lính trẻ miền Bắc vào ồm la liệt. Nằm tập trung thành 2 nhà dài. Ồm sơ sơ vẫn phải ăn bắp". Thế mà Nguyễn Ngọc thì cứ đào ra "Đất lửa" (sau đổi là "Đất Quảng" - BMQ), Thu Bồn viết anh hùng Nguyễn Ngọc Bình và Nguyễn Chí Trung viết Đồng Phước Huyến. Phục các anh ấy quá. Mình còn sướng hơn các anh ấy nhiều, còn có một lon rượu gạo và dầu sao sức ăn của mình cũng không bằng các anh ấy. Nhìn các anh cao lớn, lực lưỡng mà ăn miệng bát bắp, cực quá.

24-8-1968

Chiều tối qua anh Giai ở Tí Sé về. Mua được ít bắp và ít bột ngô. Có nhẽ là thứ bột ngô xấu, dân xay, dần ra, có thể chỉ để cho lợn. Sáng nay ăn bột ngô quấy đặc ớn không thể tả. Mình chỉ ăn được độ 2 lưng bát, mà ăn mãi mới hết. Chóng ngán quá. Anh Tiến và Tam cũng kêu ngán. Bốn người nấu bốn lon, ăn không hết. Bụng đói mà không tài nào ăn được nữa.

3g chiều, xong "Hoa rừng", đọc thấy không đến nỗi tồi lắm. Hay là mình chủ quan, "văn mình vợ người"? Muốn đưa cho Trần Tiến đọc nhưng lại sợ. Sợ Trần Tiến bảo vốn sống mình nghèo, thấy cái gì cũng tưởng hay ho, trong khi người ta coi rất bình thường. Cố gắng viết "Niềm vui thầm lặng" đã, rồi đưa một thể.

27-8-1968

May mắn. Chiều 24.8, mình đấu tranh tư tưởng mãi, cuối cùng quyết định đưa Trần Tiến đọc "Hoa rừng". Mình cũng chẳng nên giấu dốt làm gì. Mình còn viết nhiều, cái này không tốt thì anh em giúp cho, sửa chữa. Vấn đề là thực sự cầu thị, thực sự học hỏi...

Vừa đưa "Hoa rừng" xong thì anh em C9 về bảo Thông nhắn đưa 2 người nữa xuống Tí Sé cống bắp. Thế là mình và anh Tiến đi (Hôm trước anh Chắt đã đi rồi).

Sáng 25-8 thì mình và Tiến xuống Tí Sé. Đi rất nhanh. Lòng mình hồi hộp lo cho chuyến đi này. Một là mình lâu rồi chưa đi. Hai là mình sau một trận ốm, tiếp theo là những ngày đói, sâm không còn, ba là chặng đường Tí Sé A7 khá xa. Anh Giai cống mà xẩm tối mới về... Sức mình yếu mất rồi. Lại đi với anh Tiến là người vốn đi rất nhanh mà mình thì vốn đi chậm như sên. Lòng mình ngổn ngang những nỗi lo. Kỳ này mà cống tồi thì hóa ra mình chỉ là đứa nói mép.

Đi không mà mình không tài nào theo kịp Trần Tiến, hai người luôn cách nhau một quãng dài. Lưng mình muốn sụn ra. Mình hoang mang tột độ. Không biết là hiện tượng sốt rét hay hành kinh đây? Anh Tiến kêu mỗi vai và gậy gậy. Mình không dám hé răng lộ ra. Giá đi với Anh thì mình đã đòi nghỉ. Nhưng đằng này mình cứ đi miết. Từ A7 xuống Tí Sé nghỉ có 4 lần. Nghỉ thì lại đỡ mỗi lưng. Bữa sáng mình ăn không khá. Bữa trưa mình và anh Tiến đều không ăn được, cơm hầy còn. Mình mỗi mệt tột độ. Càng lo. Đi không mà còn thế, mai cống thì thế nào?

Lần đầu tiên biết một "cửa ranh". "Cửa ranh" là ranh giới ngăn cách giữa căn cứ và đồng bằng. Dòng sông Thu Bồn xanh biếc với những nóc nhà ven đồi và những thửa ruộng lúa đang thì con gái bỗng hiện ra... Như một ngọn gió phả vào lòng, mình thấy hồi hộp quá. Trời nắng gắt mà mình thấy gió đồng bằng mát như gió biển. Thấy cả những cây dừa hơi gầy gò và xơ xác một chút, nhưng dầu sao đây vẫn là lần đầu tiên từ ngày đặt chân vào miền Nam mình được thấy những cảnh đó. Mình và anh Tiến băng qua đồng trống. Bên trái là một cái đồn địch trên đỉnh đồi. Bên phải là những dặm đồi bị vàng lụi, đen sẫm lại vì chất độc hóa học. Trời nắng, đường lầy. Đi tới 2g kém 10 thì thấy ngay chỗ Thông và anh Chắt. Mừng quýnh. Chòm nhà này có 3-4 cái ở ngay ven sông Thu Bồn. Con sông nước xanh biếc, đúng là dòng sông của miền Trung. Con sông chảy giữa một bên là những dãy đồi trọc và một bên là những chòm nhà rải rác. Mình ra sông Thu Bồn giặt vớng và bọc vớng bị mắe cái đồ vào, lòng bàng hoàng xúc động. Không ngờ đời mình lại có ngày được dầm chân xuống dòng sông Thu Bồn mát rượi... "Sông Thu Bồn giọng hát đò đưa..." (thơ Tố Hữu). Thật kỳ lạ quá đỗi. Những lúc này mình thấy yêu đời quá và sự ra đi của mình nó lý thú quá. Dù sự ra đi ấy mình có phải trả một giá rất đắt, thậm chí có phải hy sinh, phải đau đớn... Mình rửa mặt và thấy thích cái nước sông có phần ấm áp hơn nước suối giá lạnh. Bao nhiêu mệt mỏi đều tiêu tan. Lâu lắm mới lại thấy đàn trẻ bơi quẫy dưới nước và những chiếc thuyền nan úp trên bờ sông hoặc cột nơi mép sông. Trong này gọi là những chiếc ghe. Ghe được dầu rái trát vào. Thứ dầu dễ cháy và hắc, dính như sơn. Trẻ con khu vực này đứa nào bơi cũng giỏi. Cái Huệ - con gái ông chủ nhà bọn mình ở nhờ - mới 11 tuổi. Hỏi biết bơi chưa, nó gật đầu (...).

4g sáng đi. Qua đồng lầy, bãi trống và bãi tranh. Phải rất vội. Tàu rà đã lên. Thông bảo theo qui luật đã có 2 lần thực tế thì cứ cách một ngày phản lực lại đến ném bom và ngày hôm nay chính là ngày nó thả bom. Bao giờ cũng một chiếc tàu rà lên trước, rồi phản lực lên và chúng ném độ hơn chục quả. Hố bom và đất tảng bắn vung vãi dọc đường mình đi. Một thoáng lo hiện ra rồi vụt tan biến ngay. Mình sợ chết lắm, nhưng sao những phút nguy hiểm nhất mình lại bình tĩnh nhất. Mình luôn tin rằng rồi mình sẽ thoát. Chiếc tàu rà 2 thân nghiêng ngó điên đảo. Trần Tiến (Chu Cẩm Phong - BT) bảo: "Nó nghiêng bên

kia, cứ đi, bao giờ tôi bảo ngồi xuống thì ngồi nhé”. Trần Tiến rất tốt, luôn kèm sát mình. Còn ông Chắt thì linh lên mãi quá cửa ranh mới ngồi nghỉ ở chân dốc. Thông bảo:

- Chịu ông Chắt, ông ấy đi nhanh quá. Có tí máy bay nữa thì rồi chả ai theo kịp ông ấy.

Mình cười. Trần Tiến im lặng (dĩ nhiên).

(...)

Lên dốc. Dốc thoải thoải nhưng lối đi hẹp và bậc cao. Mình bò. Lúc ở dưới cửa ranh, vượt một cái dốc ngắn nhưng cao và trơn mình đã ngồi xệp và tụt xuống rồi lại bò lên. Tiến đi sau. Mình thật ngượng vì thảm hại nhưng không biết làm thế nào. Lúc lên dốc mình cũng bò, nhưng chiếc gùi cứ kéo mình xuống, Trần Tiến phải đẩy gùi lên đỡ mình. Thông và Trần Tiến bảo sốt cho ông Chắt, mình không nghe, cứ đi trước. Tiến lại theo sau và dặn mình: “Đừng đi một mình, đi có người nhớ làm sao thì còn đỡ”.

Phần 7



Nấu ăn, dựng lán trong rừng.

28-8-1968

... Mai sẽ đi A9. Cống 3 ang cộng thêm tăng, võng, một bộ quần áo, một hăng-gô cơm, một bi đông nước. Thu Hoài : 3 ang. Thắng Giai : 3 ang. Trần Tiến : 4 ang. Hơi lo. Chẳng ngày mai vất vả lắm, lại lạ đường, liệu có bám kịp không ? Chả lẽ lại sụt xuống 2 ang rưỡi thì khó coi quá. Người vẫn đau như. Mình vừa xoa dầu khắp người và buộc hai miếng vải xô vào bụng. Thấy nóng đầu, sợ quá. 12g đêm qua mới ngủ, 4g sáng đã dậy. Cả ngày bận bịu chuẩn bị đi A9. Mệt bã. Nằm võng không ngủ được. Bói Kiều. Xem anh có thắng lợi trở về không, gặp ngay đoạn Kiều gặp Từ Hải. Bói xem mình làm ăn có khấm khá không thì gặp đoạn này :

... Biết thân đến bước lạc loài

Nhụy đào thà bẻ cho người tình chung

Vì ai ngăn đón gió đông

Thiệt lòng khi ở đau lòng khi đi

Trùng phùng dù họa có khi

Thân này thôi thế còn gì mà mong

Đã sinh ra số long đong

Còn mang lấy kiếp má hồng được sao

Bói xem Ly có yên ổn không thì gặp một đoạn rất cô đơn :

Sớm ngơ ngẩn bóng đêm nấn nỉ lòng

...

Lần lần tháng trọn ngày qua

Nỗi gần nào biết đường xa thế này

...

Buồn không thương kẻ tháng ngày chiếc thân

Buồn không thể tả. Nhắm mắt, không ngủ được. Thôi quên đi. Mai phải phấn đấu đi nhanh, đi thôi dài và đi vững.

3-9-1968

Sau 5 ngày công gạo về A 9 - địa điểm mới của cơ quan - 3g chiều qua mình về A7. Lại những thử thách mới mẻ, ác liệt đến với mình. Vẫn là những nông nổi, những cực khổ giáng xuống. Buổi chiều trước hôm đi mình đã bị hăm hấp

sốt, người mới nhừ, nhưng sợ ở lại thì nhớ một chuyến đi, nhất là mình đang cần sang ban gặp anh Phi. Đêm lại ngủ giường vì sợ sáng đi sớm, mình cho võng vào gùi buộc lại và cất màn vào ba lô. Thế là bị lạnh. 3g sáng đã lục đục dậy vì Thông và Tam đã nấu cơm. 6g mới đi được. Mình cõng 3 ang, lại một hăng-gô cơm đầy, một bi đông nước, một cuộn dây cao su, một tấm tăng, một bọc quần áo. Mặc dù đã uống ký ninh từ chiều hôm trước và sớm hôm sau uống nữa, mình vẫn thấy trong người gầy gầy. Tuy nhiên mình cố theo kịp các anh, mà mình và anh Giai vẫn luôn tụt lại đằng sau. 11g30 lên đến đỉnh dốc. Ăn được ít cơm rồi rét run lên. Vội chạy băng băng xuống dốc, nóng toát mồ hôi, nhưng rồi gùi trĩu xuống, mình không sao đi nổi nữa. Anh Giai chỉ cõng 3 ang cũng cứ tụt lại. Chưa đến bờ sông thì mình quỵ hẳn. Đường còn dài. Lo đến nát lòng.

(...) Buồn quá. Nhớ nhà, nhớ Hà Nội như điên dại. Nhớ và thương cậu mợ vô cùng. Bỗng dưng mình thấy yêu cái gia đình ruột thịt của mình quá. Mình chưa bao giờ phải xa nhà lâu như thế này nên mình khổ quá. Thêm những buổi ngồi uống nước chè với cậu mợ. Những buổi nằm nghe mợ nói chuyện rủ rủ. Ôi, sao hồi ở nhà mình ít nói chuyện với cậu mợ quá. Nhất là mợ. Mợ thích nói chuyện mà nhiều khi mình cứ ngủ thiếp đi. Có lẽ khi mình từ miền Nam trở về thì cậu mợ không còn nữa. Nhìn cái lược bí mợ mua cho ở chợ Mễ, lại thấy thương mợ quá đỗi. Nhớ hôm mợ bế Ly lên đê tiễn mình và nhìn theo mình lao xe đạp xuống dốc Mễ. Có lẽ đó là lần cuối cùng mình gặp mợ. Mợ yếu quá rồi. Chao ôi. Khóc. Chỉ biết khóc thầm. Từ hôm vào đây chưa ai thấy mình khóc. Nhưng chính thực thì mình đã khóc thầm khá nhiều. Lạ thế. Trước gian khổ, mình chịu đựng một cách lì lợm, không kêu một tiếng, không rên một lời. Chỉ khi Trần Tiến hỏi : "sốt hả?", mình mới gật đầu. Nhưng những gì thuộc về tình cảm thì mình lại không thể nào chịu nổi.

(...) Mừng 2 tháng 9 thế là cũng rôm rả. Tối qua còn có 1 lon rượu bắp rang. Trời sáng trắng, mình mở cửa sổ nằm võng hát "Người Hà Nội", nhớ Anh, nhớ Ly, nhớ Hà Nội...

9-9-1968, ven sông Nước Mỹ (Đăk My)

Con gái của mẹ,

Hôm nay Ly vừa tròn 21 tháng rồi đây con ơi. Tháng này, tháng thứ 22 của con, mẹ hứa với con, mẹ sẽ làm việc thế này :

1-Chữa lại “Hoa rừng”

2-Viết xong “Niềm vui thầm lặng”

Thế, Ly nhé. Thiên thần của mẹ ơi, con hãy đem nỗi cô đơn của con tới giúp sức cho mẹ. Tháng này mẹ sẽ rất bận vì phải làm nhà ở A9, nhưng mẹ sẽ tranh thủ con nhé (...).

15-9-1968

Năm hôm liền, mình, Thông, và Vân đi Tí Sé mua bắp. Tất cả vẫn nằm đợi ở ven sông Nước Mỹ (Đăk My) để sang A9 vì chưa có đồ. Thế là xoay ra bàn chuyện mua bắp (...). Ngủ một tối ở chân dốc A7. Chiều hôm 12-9, ba đứa xuống tới Tí Sé. Lại ở nhờ nhà anh chị Bốn Huê. Căn nhà nhỏ lại một nửa, chỉ

còn đúng một gian. Bọn mình phải mắc võng ngủ dưới hầm. Chị Bốn đi thăm lúa về, kêu hoài :

- Nó rải chất độc ác quá, lúa hỏng hết. Không có cái thứ chất độc ấy thì dân sướng lắm. Bây giờ, từ năm ngoái đến nay nó thả chất độc, bắt nhỏ lại. Đậu phụng (lạc) lép kẹp.

Chất độc ! Đâu đâu cũng thấy chất độc. Khu sản xuất của ban mình bị 7 lần chất độc, có làm mà không có ăn. Cả một vùng Tí Sé đỏ quạch vì chất độc, cây khô rụi. Chị Bốn vạch đầu gối, chìa ra những cái mụn lở loét:

- Cái giống chất độc ấy, quệt vào chân là sinh lở ra đó...

Dân thiếu, vẫn ăn toàn bắp xay. Anh Bốn đi câu cá quả và cá chạch chẫu một ngày đổi được chục lon bắp xay. Nay mai mùa nước nên vào làng thì thấy một số nhà đã dọn xa bờ sông để tránh lũ.

Đi đường, ba đứa được ăn khá hơn : 2 lon. Xuống Tí Sé đổi được bắp xay, ăn mấy bữa no. Lại có cá ở nhà mang đi, và mình ăn luôn 2 lạng đường anh gửi về, thấy khỏe ra, những cái dốc và những chặng đường không làm mình khiếp sợ nữa. Đường đen 100đ một cặp, ba đứa mua 3 cặp. Tối qua nấu chè hết 1 cặp. Chè nấu bằng gạo xay, đặc, sánh. Ngon y như chè bà cốt nấu gạo nếp. Loại chè này ở Bắc mình ghét lắm, thế mà tối qua ăn thấy ngon vô cùng. Ăn chán rồi lên võng một lúc lại thèm. Còn mỗi đứa một tán đường, mình cất đi gặm dần. Khổ thật (...).

25-9-1968

Chả biết bao giờ mới di chuyển xong. Rồi lại lo chạy gạo. Ban đối với Văn nghệ, Giáo dục, Điện ảnh tẻ quá. Bên ấy, các bộ phận Văn phòng, Báo, Tuyên truyền, Huấn học... đều có công vụ chạy, mỗi cán bộ chỉ đi công nghĩa vụ một tháng một lần. Còn bên mình thì phải tự chạy gạo lấy, lo đổi chác lấy. Trần Tiến phần nộ, nhưng không làm gì được. Vừa rồi, Điện Ảnh có Hạnh nằm lì ở kho Kiểm mới lấy được 25 ang gạo. Thông đi sau móc được có 5 ang thì địch lại chốt lại. Lúc nào cũng lo sắp hết gạo. Cả Tiểu ban lại ùn ùn kéo về. Thu Hoài ốm nằm một tháng nay sau một chuyến gửi từ A7 về A9. Phương Anh ốm. Anh Điều yếu. Tam bé. Ông Chất luôn luôn "quặt quẹo". Ông Vương Linh gửi "chơi chơi". Số người còn lại thay nhau ốm. Thật buồn. Tình hình sẽ càng gay. Nó biết đường ta xuống kho Kiểm, vừa rồi nó rải B52 (...).

26-9-1968

Tất cả đã đi lúc 12g trưa hôm nay rồi. Mình ở lại đây trông đồ một mình. Vắng lặng, buồn lo... Mình lo những kẻ bắt nạt qua đây... Mình lo cái tiếng réo của sông Nước Mỹ dội vào lòng mình, lo cái bịt bùng mênh mông của núi rừng quanh hiu như thế ! Chính mình cũng không tưởng tượng nổi. Nhưng mình tin ở sức chịu đựng, lòng can đảm và nghị lực của mình. May sao chiều nay có một cô gái và hai ông khách đến ngủ. Thế là yên tâm. Qua được một đêm rồi. Thực ra mình cũng chả muốn về cái nhà đông đúc hiện tại. Lại chuyện trò đến hết buổi mất thôi. Mà chuyện phiếm thì vô ích quá. Cố ở đây viết cái "Gửi".

Phần 8

27-9-1968

Lại một ngày đã qua. Đọc được ít bài thơ Puskin và vài trang “Mác, Ăng-ghen, Lê-nin với văn học nghệ thuật”. 3g chiều qua ông Đồng đến. Tối nằm nghe đài. Sáng nghe ca nhạc. Nằm đọc. Buồn ngủ. Mệt trĩu. Chép được vài trang “Hoa rừng” rồi thiu thiu. Gần 10g thì Kym Tấn, Lê Ái Mỹ, Văn Nhị kéo đến. Kym Tấn đi Kông Tum, Gia Lai, Mỹ, Nhị đi Quảng Ngãi. Họ nấu ăn trưa ở đây rồi kéo đi tất. Bên báo thể là đã lên đường cả. Ông Nhị vừa vào gần một tháng đã được đi liền. Tiểu ban mình thì cái gì cũng chậm chạp vì nhiều khó khăn quá. Mình cho rằng lỗi chính là ở lãnh đạo. Ông V.L lờ khờ. Ông Đ. thì cả nể tắc trách. Trần Tiến thì không bao quát được cả và cũng chả có sức nặng trong tiếng nói với cấp trên.

Đêm qua khó chịu vì đau cái nhọt dưới thắt lưng. Vừa khỏi cái nhọt ở chân lại lên luôn cái nhọt nữa dưới thắt lưng, cực quá. Nằm. Cứ nghĩ đến bao nhiêu nguy hiểm đang rình đợi Anh và cái ngày mình nhận tin đau thương ấy... Khổ quá. Lòng mình lúc nào cũng ở trong tư thế chuẩn bị nhận tin đau đớn. Trước đây có bao giờ mình lo như thế.

Ánh sao

Một ngôi sao long lanh

Một khoảng trời nho nhỏ

Giữa menh mông rừng xanh

Như mắt con bưng mở

Ôi thân yêu mắt thỏ

Những đêm ngược nhìn trăng

Ông trăng tròn lung linh

In sâu trong đáy mắt

Như ngôi sao sáng nhất

Giữa rừng khuya đêm nay

Tưởng mắt con thơ ngây

Đang tìm theo bóng mẹ

Đêm hành quân không nghỉ

Ánh sao ánh mắt con

Tỏa sáng khắp sườn non

Sáng đường ra mặt trận

Dù bao nhiêu lặn đạn

Dù trăm dắc nghìn đèo

Có mắt con dõi theo

Mẹ bỗng thêm sức mạnh.

Rừng Quảng Nam

Tháng 7 - 1968

Hôm qua mơ rất sợ. Mình bế Ly, Ly đang nằm ngủ trên tay mẹ thì Hà Nội báo động. Nhà mình xây một chiếc hầm ngay trong nhà trồng rặng ở đầu Hội Vũ. Người ta chen lấn vào hầm nhà mình. Bà Sinh cán bộ khối phố phải vào dàn xếp, bảo là hầm để nhường cho trẻ con. Rồi báo động hết, mình bế Ly, tay ôm thêm cả ít củi khô. Chợt có tiếng Ly khóc khe khẽ. Mình nhìn xuống thì Ly không còn ở trên tay mình nữa. Tay mình chỉ còn mấy que củi. Mình lại đang đứng trên bờ một hồ nước lớn. Trời nhập nhoạng tối. Tim mình đập mạnh, mình tái người quờ tay xuống nước. Có lẽ Ly tuột khỏi tay mình rơi xuống nước rồi. Không thấy, lại tìm trong bụi rậm, vẫn thấy tiếng Ly khóc khe khẽ mà mình không thấy Ly. Mình kêu lên "Ly ơi! Ly ơi! " và mình choàng dậy. Thấy chiếc võng và mái lều mình mới tin là tai họa đó không xảy ra. Và mình yên tâm.

29-9-1968

Mình đã tranh thủ chữa và chép xong “Hoa rừng” sáng nay. Còn mười hôm nữa là đến 9 tháng 10, ngày Ly 22 tháng. Mình sẽ cố viết xong “Niềm vui thầm lặng” để giữ lời hứa với con.

Nghe Thông nói Anh đang ở Duy Xuyên, anh đã khỏe. Chắc anh lại về Xuyên Hòa rồi.

3-10-1968, A9

Hôm nay Anh vừa tròn 28 tuổi. Em sẽ chúc mừng sinh nhật của Anh bằng một ngày làm việc thật chăm chỉ. Em sẽ mở đầu truyện “Niềm vui thầm lặng” trong ngày hôm nay. Cả ngày sẽ là của Anh. Của Anh, anh nhé. Ngày này năm ngoái, em đã mua hoa lay-ơn về cắm trong cái gác vắng Anh và Ly. Buổi tối em đã lặng lẽ mua cà phê, bánh về mời anh Dân, anh Thú và Chắt. Hôm nay, ở A9 em chả có gì. Nhưng lòng em, sự cố gắng làm việc của em sẽ là món quà đẹp nhất gửi tới Anh.

4-10-1968

Một niềm vui bất ngờ. Tối qua nhận được thư cậu và anh Hải viết 3-5-1968. Thư đi 5 tháng. Mình thật hạnh phúc, vào mới chưa đầy 3 tháng đã có thư nhà. Biết được tin nhà sau ngót một tháng mình ra đi. Ly và cậu mợ đã ra Hà Nội từ 1-5-68. Thế cũng đỡ. Gần bệnh viện cho cậu mợ và Ly.

5-10-1968

Chiều qua, từ 12g trưa, mình lại lên một cơn sốt rét. Trưa vẫn ăn bắp khô, chỉ thấy hơi mỏi mỏi. Rồi tự nhiên gầy gầy. Lấy áo len mặc, rồi lấy màn đắp, vẫn rét. Rét rồi nóng, rồi nhức đầu. Ăn được một bát cơm với canh măng và trám đen rất ngon mà mệt quá. Ăn xong Thông bắt gió cho. Nửa đêm thì đỡ và sáng nay khỏi hẳn sau khi uống 4 viên ký ninh. Thế là trận ốm thứ tư kết thúc. May thật.

*

*

*

Anh Vương Linh bảo:

- Truyện "Hoa rừng" được. Câu kéo tốt. Dẫn dắt truyện tốt. Còn bản thảo:
1 - Giao liên không đi suốt bao giờ mà chỉ đi nửa đường thôi. 2 - Việc xin đi công tác của Phước không thực tế vì các trường hợp đi thường là do xã điều. Việc xin đi chỉ là thời mấy năm trước.

Cả hai ý kiến ấy mình đều thấy hơi khó tiếp thu.

- Giả thử không có việc đi suốt trạm thì trong truyện ngắn mình vẫn có thể dựng được chứ sao. Nhất là ở một đoạn đường ác liệt. Và rõ ràng là ở nửa ngoài hành lang thì toàn là đi suốt trạm.

- Ở vùng chưa giải phóng, việc đi khó có thể do xã điều, mà giả thử xã điều chẳng nữa thì xã thấy một gia đình 14 người hy sinh như vậy thường là không có ý định điều Phước đi nữa.

Mà nếu quả anh Linh muốn thế thì chữa cũng dễ thôi. Mình không trao đổi lại với anh Linh, sợ anh ấy bảo mình chủ quan, thiếu suy nghĩ đối với những ý kiến phê bình.

8-10-1968

Chiều qua hội ý Tiểu ban. Anh Vương Linh phổ biến công việc di chuyển. Lại đi nữa. Đi trong tháng 10 này. Đi giữa mùa mưa, chỗ mới cách bốn năm ngày đường, không rõ ở đâu. Chuẩn bị sức khỏe, có thể di chuyển xong mới đi công tác. Chi ủy quyết định ăn 7 lẻ gạo với 1 lon rưỡi bắp để thêm sức. Dù thế nào cũng phải ăn tăng. Tình hình sức khỏe sụt nghiêm trọng. Bên ban ăn 1,8 lon bắp và 1 lon gạo. Bên mình vẫn thiếu nên không dám, vì tốn kém việc ăn đi đường nhiều quá. Khi đi đường ăn tới 2 lon rưỡi - 3 lon gạo. Tất cả phải kiếm thêm để cải thiện (rau, cá).

10-10-1968

Thông mang chiếc võng của mình vào làng đổi được 70 lon bắp. Một chiếc màn của chị Nga bán được 200đ.

Hôm nay là ngày sốt đây. Mệt lắm. Ăn vẫn chưa biết ngon. Không thèm ăn. Không thấy đói. Mình lo ghê ốm. Nay mai lại sắp di chuyển. Đi 3 ngày đường. Thế mà người mình cứ phờ phờ.

13-10-1968

Hôm nay mới thật khỏi sốt. Mai lại di chuyển rồi. Mùa mưa đã đến. Chiều nào cũng mưa. Trời xầm. Cực. Suốt ngày hôm qua mình phá chiếc quần tây simili màu cứt ngựa - cái quần đã theo mình suốt dọc Trường Sơn - đem khâu một cái gùi đẹp, và nằng nặc đòi đi luôn ngày mai, mặc dù Trần Tiến bảo mình ăn còn như mèo, phải ở lại. Ở lại cũng chết, 25-10 này cắt đò. Lệnh: di chuyển gấp. Cực quá.

Mình viết xong truyện "Gùi" (tức là truyện "Niềm vui thầm lặng"- BMQ) rồi. Truyện này có thực tế nên mình viết dễ hơn. Đọc thấy tạm tạm. Còn đặt tên.

Cận kề cái chết

Phần 1

18-10-1068



Hình ảnh cuối cùng của Dương Thị Xuân Quý, tại căn cứ A7 miền tây Quảng Nam, tháng 12-1968, từ trái qua: Hà Giao, Dương Thị Xuân Quý, Trọng Anh, Nguyễn Ngọc, Nguyễn Chí Trung, Vương Linh, Bùi Minh Quốc, Thu Bồn, Ngân Vịnh.

Thật là những ngày khủng khiếp. Sáng 14-10, mình gửi 3 ang gạo cùng với anh Điểu, Trần Tiến, anh Chắt, Thanh Đính, Vân, Thông di chuyển về A10. Trời mưa mấy hôm liền nhưng vẫn cứ phải đi thôi. Anh Tiến vác gùi và dắt mình qua sông. Nước đến ngực lạnh cóng. Buổi sáng mình chỉ ăn được một vá (môi múc canh - BMQ) bắp vì cơn sốt chưa qua. Mình trốn vào ăn trong nhà để mọi người khỏi nhìn thấy. Mình lo. Run chân nhưng mình cứ đi. Đi sau Vân và trước 5 người kia. Mưa mù mịt. Mình cẩn rằng đi từng bước. Qua bãi đá mình mất phương hướng và mình lạc về quá bến sông nhà. Mình đi vào một khu rừng già. Mình biết lạc. Mình gào lên hàng chục tiếng: "Anh Tiến ơi! ". Mình biết chỉ có tiếng mưa, tiếng nước sông réo đáp lại, nhưng mình cứ gào thét trong rừng

(...).

Mưa vây lấy mình. Mình lách lau, bám rễ cây vượt qua, vượt qua những cái dốc trơn nhầy. Đứng quần rách toang, trơ si-lip, may có áo mưa khoác ngoài và mình cầm khăn mặt che phía trước. Tới một chỗ, mình thấy đói. Giở hăng-gô cơm ra, không muối mắm. Xén thìa cơm đút vào mồm chỉ muốn nôn. Cơm sống, nhạt. Giở gói bắp. Ăn được vài thìa. Khát nhưng không dám uống nước suối đục. Lỡ ốm thì nguy. Nghe một anh đi đường bảo có người kiếm mình nhưng quay lên rồi. Mình thất vọng. Mình để ý tìm chỗ treo võng, lúc ngớt mưa thì nằm, mưa thì tìm một hẻm đá trùm ni lông ngồi vừa che gùi. Mình không có tăng nhưng có bật lửa và hăng-gô. Mình đang dừng lại tìm chỗ ở vì lúc ấy đã 3g chiều, thì Vân tới. Thật may. Lúc ấy mình mệt bã, vừa ngã lộn tùng phèo một cái, mãi mới rút nổi người ra khỏi gùi. Thế là theo Vân đi 10 phút nữa thì đến đường 13 và mọi người đã quyết định ngủ lại đây để chờ mình. Trời vẫn mưa. Có một mái lều bằng chiếc chiếu của đồng bào dân tộc làm trông rầy. Cho gùi vào đấy và căng tăng thêm. Chiều ăn cơm với canh sắn và rau chuối thái ghém. Ngon tuyệt. Nhưng mình lo, vì mình thế là cả đoàn chậm một ngày.

Quả nhiên, việc mình bị lạc đã dẫn đến những hậu quả khủng khiếp. Sáng 15-10 lại ra bến đò. Trời vẫn mưa. Qua suối. Anh Tiến toàn phải vác gùi và đưa mình qua. Nhưng gần đến bến đò thì đường tắc nghẽn vì nước sông to quá, không lội qua được. (...) Sớm hôm sau (16-10) đoàn ông Tám nhanh chân qua được đò, 3 đứa mình chòng vòng đợi mấy anh mãi, song cứ ra bến đò trước. Gần tới nơi, mắc một con suối nước đến ngực. Vân lội qua xong quay lại đón mình rồi sợ đò không chờ nữa mà mấy anh lại chưa tới nên quyết định ba đứa lên cắm tăng ở một mỏm cao cách bờ sông một bức tường cao 4m và nước còn ở mãi bìa xa. Một lát, anh Tiến ra. Anh ấy bảo thấy mưa, sợ đò không chờ, các anh không đi. Anh Tiến bảo: "Nó mà lụt như năm 1964 thì chỗ này nguy đấy nhé".

- Thì leo lên cây bám thôi.

Nếu trở về chỗ các anh, phải đi 1 giờ nữa, mà lội nước, mà dốc trơn, cực quá. Ba đứa đều ngại. Riêng mình càng ngại hơn vì lúc sáng qua đây mình đã rơi xuống một rãnh nước tới ngực, cả người và gùi lênh bênh trên nước (...). Bây giờ phải quay lại đằng đó, mình rùng mình sợ hãi. Thế là ba đứa ở lại. Càng xa đoàn hơn. Anh Tiến vội vã trở về vì sợ nước dâng to. Cả ngày ba đứa lo thấp thỏm. Ngồi chịu những đợt mưa tưởng như không bao giờ dứt mà buồn tê tái. Không có việc gì làm. Nhóm lửa hết một bộ quai dép vì củi sũng nước. Nấu canh khế với lá lốt ăn với cơm nguội. Rang bắp bằng hăng-gô và nắp hăng-gô, nhai. Rồi lại ngồi nghe tiếng nước sôi réo và mưa đổ nước xuống. May mắn mực nước vẫn chỉ đến chân bức tường. Đêm ngủ bình yên. Sớm hôm sau (17-10) nước rút nhiều. Tưởng yên. Ai ngờ lại mưa cả ngày và đến chiều nước dâng lên trông thấy. Đang nằm, tất cả vùng dậy cuộn vồng buộc vào người, gác gùi lên cao. Mình quính lên tìm cây. Vân chỉ cho mình một cây khế cao và mình trèo lên. Nước đã ập vào dưới chân gốc khế. Chỗ ba đứa nằm cũng ngập, chỉ còn trơ lại một móm đất hẹp bằng hai gian nhà. Khăn mặt, hộp mắt, dép cao su, móc hết lên cây, bảo nhau mỗi đứa xách một hăng-gô cơm lên cây, nhưng Vân, Thông vẫn không chịu lên. Theo dõi mức nước một cách hồi hộp. Nước xuống, đứng, rồi lại lên ào ạt. Nghĩ tới trận lụt 1964 mà ghê hồn. Biết đâu trận này chả như trận 1964 và nước sẽ lên đến tận ngọn cây khế mình đang ngồi đây. Vân, Thông an ủi:

- Dầu sao cũng phải bám chắc lấy ngọn cây. Không lý gì nước lên đây được.

Nhưng vẫn run. Run quá. Nghĩ đến Ly, đến Anh. Không lý gì mình lại chết đuối một cách đau đớn thế. Giá có Anh ở đây mình sẽ vững tâm hơn biết bao.

Mong Anh về. Đi gửi công với anh có khổ đến đâu mình cũng chịu được tất, đường có xa đến đâu mình vẫn cứ vui. Đẳng này..., nghĩ mới sợ làm sao những chặng đường ghê hồn. Trời tối dần. Thông lấy cơm ăn. Bụng mình đói. Mình cũng treo hăng-gô trước mặt và ăn. Nhưng chỉ ăn được vài thìa. Một chùm khế trước mặt, mình chả thèm hái. Ăn canh chua mãi phát sợ. Nước rút dần. Thông bẻ củi đốt lửa. Rồi đốt cao su soi cho mình xuống cây. Khoác ni lông ngồi trên cây, mưa, chịu những đợt mưa rừng rợn khiến người mình ướt đẫm. Lạnh cóng. Hơ cho khô tằm tạm vì chả còn quần áo đâu cả. Lên vồng nằm, lạnh, lại xuống hơ lửa. Rồi lên vồng và chợp đi.

Sớm nay vẫn mưa. Ba đứa vượt về chỗ các anh ở ven đường 13. Lội suối. Vân kéo mình, chân mình như bay trong nước vì sâu quá, chân không đụng đất. Bùn lầy, lau lách đổ rạp sau một đêm ngập lụt. Đi men bờ sông chỉ lo lặn tùm xuống. Nước ngập mất đường. Kinh khủng. Phải đi rất vội để chạy nước. Trời cứ mưa. Nước mà ập đến nhanh như hôm qua thì không còn lối nào chạy nữa ở dọc đường này. Trời xầm tối. Rùng rợn. Mình đi đất, len vào gai góc, luồn thật nhanh. Nước réo như đe dọa. Như sắp sửa dâng lên và cuốn mình đi. Mấy lần lội nước tới ngực. Cuối cùng bây giờ đến được chỗ các anh ở ven đường 13. Thế là yên trí. Vẫn mưa. Kệ. Ở đây càng lâu mình càng có thì giờ viết. Phải rất tranh thủ. Trần Tiến và anh Chắt sốt. Trần Tiến phải lấy áo len dài tay của mình mặc. Tội quá. Anh Điều mặc áo len dài tay của Anh. Thấy bọn mình, anh Điều bảo:

- Cho đáng. Bảo lên không lên, tự lực cơ.

Mấy đứa tiu nghỉu.

Vẫn mưa. Mưa hết đợt nọ đến đợt kia. Chưa bao giờ mình chứng kiến một mùa mưa dữ dội như thế này. Cũng may vài hôm nay mình khỏe.

22-10-1968

Trời hửng nắng từ sáng, mặc dù hôm qua vẫn còn mưa. Nước rút nhiều, tuy rút chậm. Sóng bớt dữ dội hơn và sông lắng trong hơn. Trần Tiến và Vân trở lại A9 lấy muối mắm và gửi thêm một gửi ra. Chiều mai có thể sẽ qua đò.

Mấy hôm nay chỉ ăn ngày hai bữa. Một lon gạo chia hai bữa và ăn thêm bắp rang vì thiếu muối. Đói quá. Ăn xong lên văng nằm thèm đủ thứ. Chưa bao giờ mình bị cái cảm giác thèm ăn nó bóp nghẹt như bây giờ. Từ thèm ăn nhớ đến Hà Nội. Nhớ củ hành, đĩa rau cải luộc, bát rau muống xào, bún và cà phê, bánh và chuối...

- Ôi, tôi chỉ muốn một bữa rau muống xào.

- Được một bát rau bí luộc nhĩ.

Trần Tiến có vẻ thương cho những mơ ước nhỏ nhoi của mình:

- Ôi cha, thêm cái gì thì thêm cho đáng chứ. Thêm vợ vẫn mà làm gì. Mà thêm thì cái gì cũng không có, việc gì mà phải thêm những thứ tầm thường.

Nhất định từ nay mình sẽ không thêm thưởng gì nữa và không được ngại khó. Cái gì mọi người vượt qua được thì mình đều có thể vượt qua được. Phải lao vào cuộc sống với một tinh thần như thế.

Phần 2

27-10-1968, Đội 5



Anh em văn nghệ sĩ Khu 5 về thăm lại dòng sông Nước Oa - Bắc Trà My, nơi Dương Thị Xuân Quý và bao bạn bè đã từng sống và công tác trong những năm chống Mỹ, cứu nước. Ảnh : N.Đ.AN

Chiều qua mình đã chữa xong “Niềm vui thầm lặng”, sáng nay chép lại đoạn cuối và đã đưa Trần Tiến. Trần Tiến chưa đọc. Lo. Giá có Anh. Nhưng thôi. Phải mạnh dạn. Theo mình thì cái này không được bằng “Hoa rừng” về chất truyện, nhưng cũng không phải là hỏng.

23-10 mình lại sốt một trận nữa. Ăn sáng xong rét, rồi mệt. Gặp cái Đê. Nó cho 40 viên B1 và 10 viên APC với ít viên ký ninh. 1g30 chiều uống thuốc. Chiều bỏ cơm. Anh Tiến, Vân về A9 lấy thêm muối mắm và một gói gạo chưa ra. Anh Điếu, anh Chắt, Đính và Thông đi về Đội 5. Mình nằm lại giữa rừng với một gói bắp và một gói gạo của anh Tiến. Mình mệt tái người. Mình không thấy sợ hãi gì cả. 4g30 chiều thì các anh ấy đi. Một lát có hai thanh niên dòm vào võng mình. Thì ra hai tay vẫn ở với đoàn mình mấy hôm nay. Các cậu ấy bảo:

- Ở lại một mình à? Khổ thế. Nữ. Ồm mà dám ở. Chúng tôi cũng ở lại chờ đơn vị, mắc võng xuống chỗ chúng tôi nằm.

- Thôi. Tôi mệt lắm.

Mình tạm yên tâm vì dẫu sao thế là mình không trơ trọi một mình giữa rừng vì tầng của hai cậu ấy chỉ cách mình một quãng, không trông thấy nhưng không xa. Một cậu đem cho mình khúc sắn luộc. Mình chỉ ăn được nửa khúc. Mình thiếp đi trên võng. Gần sáng dậy đi giải. Không thấy sợ gì cả. Sáng, hai cậu cho mình 5 củ sắn, mình nấu canh 3 củ và nướng 2 củ. Ăn được một chút cơm, vẫn mệt lử.

Buổi chiều Trần Tiến, Vân và Phương Anh ra. Rồi Thông từ Đội 5 về với anh Chắt, anh Đính. Anh Chắt anh Đính quay lại A9 gửi nốt, còn 5 đứa mình gửi về Đội 5. Chiều 25-10. Ra đò. Đi thôi đầu mình chóng mặt đến quay cuồng tuy 3 ang bắp không nặng gì. Đò đông nghịt. Trần Tiến sốt. Năm đứa chui vào một lùm cây ven sông mắc võng ngủ. Liều không mắc tăng. May đêm không mưa. Đãi được 6 con cá ước chừng 1kg. Nấu canh ăn. Cũng đỡ thèm. Tụi vẫn công cho một hăng-gô sẵn. Ăn khoái quá. Mình ăn cơm vẫn chưa ngon. Hôm nay mới thực ngon thì lại ăn hai bữa bắp rang liền.

Sáng qua, qua đò rồi thì về tới Đội 5. Mình đi cũng khá. Thôi, thế là cơn sốt trôi qua. Mình thấy vui vui. Cảm giác nhớ Hà Nội đỡ dần. Mặc dù đêm qua mình mơ thấy Ly. Ly nói như khướu. Ly vui lắm. Ly bảo Ly vẫn nhớ lần mình về Mễ tạm biệt Ly. Ly bảo: vì nó "thiên liêng" lắm. Mình bật cười: Ba tuổi mà đã dùng chữ "thiên liêng". Ly gọi Mẹ, Mẹ, sau khi sửng sờ một lúc và nghe mình bảo: - Mẹ đây mà. Ly bảo: Mẹ thì Ly nhớ, còn bố thì Ly không biết. Vì bố đi hồi ấy Ly còn bé quá.

B52 nó thả suốt dọc từ rẫy lang về phía A9. Đi 2g mới hết. Nó bỏ đúng chỗ để cái ché mà hôm đi lạc mình dừng lại định chằng võng ngủ lại một mình. Chao ôi, không ngờ hai hôm sau B52 lại bỏ trúng đấy. Tưởng tượng đêm đó mình nằm lại, một trận B52 trút xuống. Mình tan xác. Mình mất tích. Không ai biết mình ở đâu. Nỗi đau đến với Anh và Ly sẽ là vô hạn, vô hạn. May mình quá. Cuộc sống ở căn cứ như thế đấy. Từ nay phải rất hạn chế việc ở lại đêm giữa rừng một mình.

4-11-1968

Hoàn thành đợt gửi công cho đợt di chuyển từ A9 sang A8. Thế là đợt di chuyển này mất 20 hôm. Và mình tham gia 2 chuyến về A8. Sau cơn sốt nhẹ, mình ngại đi quá. Nhưng khi đã khoác ba lô lên vai thì mình lại đi khỏe và đi nhanh chưa từng thấy(...). Đi đường, trừ Phương Anh và mình, ai cũng tụt hậu. Mình nhận đeo 1 hăng-gô cơm đầy, Vân 1 và Thanh Đính 1. Còn anh Điều, Phương Anh và anh Tiến, Thảo thì không mang vì chỉ có 3 hăng-gô cơm. Có thêm hăng-gô cơm thật nặng, nhưng mình nghĩ rèn luyện cho quen đi. Sở dĩ mình đi mạnh, đeo khá được là nhờ mình gửi tương đối liên tục. Dốc không còn đáng sợ nữa. Đúng là khi người ta khỏe thì chả coi khó khăn ra gì cả. Sức khỏe quan trọng quá. Nghe tin anh Điều (Điện ảnh) chết. Mình rụng rời. Anh ấy mới vào cùng đoàn với Đỗ Quảng, anh Nhị hồi cuối tháng 8 vừa rồi. Câu cá rất giỏi. Ốm liên tục từ hồi vào. Bốn con. Đang có ý định xin ra Bắc vì yếu quá. Đảng viên lâu năm, chuyên môn rất khá (in tráng phim). Trên đường gửi từ A7 về đây, Anh Hồng (cùng tiểu ban Điện ảnh) đi trước chuẩn bị nấu cơm. Anh Điều đi sau bị ngất và chết. Thăng Tạo (ở văn phòng ban) đi từ A7 sang đây thấy một người đeo ba lô đội mũ ngồi bệt, hai chân ngâm dưới suối (nước tới đầu gối). Tạo lật mũ lên nhận ra ông Điều đã chết. Kinh khủng quá. Giá có người xoa bóp ngay thì anh ấy không chết. Anh Tiến đã có lần bị vậy mà cứu được. Chỉ tại đi một mình. Sợ chưa? Từ đây mình cũng không dám đi cách xa đoàn nhiều quá. Cái hôm mình lạc mà lỡ bị ngất thì mình chết thôi. Ở miền Nam cái chết dễ quá. Mới hôm nào ở A9 mình bắt đầu viết truyện "Niềm vui thầm lặng" còn trao đổi với anh Điều về các chiến sĩ gửi. Nay truyện viết xong thì anh ấy đã chết. Mới hôm nào còn nằm văng bên Điện ảnh, nghe anh ấy tâm sự: "Tôi nhớ các cháu quá".

Tội cho những đứa trẻ.

Cái hôm mình vừa khỏi sốt ở bến đò, trên đường gửi chặng đầu ra bến mình cũng chóng mặt nôn nao muốn ngất và mặt mình tái đi, mình ngồi phịch xuống. May sao một lát cũng đỡ. Rõ ràng là không thể coi thường sức khỏe được. Ở miền Nam không phải chỉ chết vì bom đạn mà còn chết vì bệnh tật.

Anh Quý (quản lý ban mình) cũng mới chết vì một thứ cầu trùng gậm nhấm trong những cơn sốt rét vặt. Mưa, nước to, không kịp đưa đi cấp cứu, thế là chết. Xuyên Phúc - nơi nay mai mình sắp tới cống gạo - chúng nó câu pháo ghê gớm. Bên Báo vụ, hai anh đi cống gạo, một chết, một bị thương. Bao nhiêu nguy hiểm đang rình đợi mình, nhưng mình quyết không sợ.

*

*

*

2g30 chiều qua, sau 2 ngày đường, mình đã về tới A8. Chú Khánh (bố Trà Giang) đạo diễn kịch sắp ra Bắc. Mình tắm giặt xếp ba lô suốt chiều. Hôm nay sẽ viết thư và chép 2 cái truyện để gửi ra. Uống quá, giá đừng phải đi Xuyên Phúc (Đúng ra là Sơn Phúc, Quý ghi nhầm - BMQ) thì mình gửi được cả "Tiếng hát trong hang đá". Mai một lại đi gửi, không viết được nữa. Đi gửi lần này ít nhất 10 hôm. Nhà hết nhả gạo. Bắt đầu từ hôm nay bọn mình phải ăn 3 bữa bắp cả. Gạo hụt vì các nhóm đi phân tán lẻ, ăn bữa. Không kiểm tra được nhau. Rồi bà Ng. và ông L. Anh em có ý nghi..., vì ông ta nói đầu đuôi không thống nhất. Chán quá, một số lớn người chỉ biết lo cho bản thân.

*

*

*

Gửi về A8. Trở lại bãi bom B52 dạo tháng 7. Những cây khô đã đâm chồi non. Dưới những cây cháy đã mọc những lớp "rừng non" hơi rậm. Không còn thấy những hố bom đỏ loe loét như xưa. Mình đổ ba lô lặng nhìn. Và mình nghĩ: khi sức sống đã dồi dào, có lẽ chả có sức mạnh độc ác nào vùi dập nổi sự vươn lên... Những chồi non mạnh khỏe không hề biết sợ... Đáng sợ nhất là lòng ta nguội lạnh, chính ta tự hủy nhựa sống trong ta. Còn nếu ta vẫn nguyên vẹn nhiệt tình và sức sống thì không một thế lực nào, một sự tàn phá nào, một khó khăn nào khiến ta chùn bước, khiến ta gục ngã.

Phần 3

6-11-1968



Anh em văn nghệ sĩ Quảng Nam và Đà Nẵng dự lễ tưởng niệm và cải táng mộ phần nhà văn - liệt sĩ Dương Thị Xuân Quý sau khi tìm được hài cốt vào tháng 8 - 2006. Ảnh : N.Đ.AN

11g trưa rồi. Chưa làm gì được. Mệt. Đầy bụng. Hâm hấp sốt. Trưa nay Trần Tiến, Phương Anh, Cao Duy Thảo đi công gạo. Trần Tiến không cho mình đi. Kiên quyết. Mình xin đi nhưng không tha thiết vì đang mệt và muốn ở nhà viết mấy hôm. Nửa muốn, nửa không. Còn Trần Tiến, có nhẽ ảnh thấy mình đi nhiều mà gầy xanh quá, ảnh muốn cho mình nghỉ. Hoặc xuống Sơn Phúc ác liệt, ảnh không muốn cho mình đi.

9-11-1968

Bé yêu thương,

Bé ơi, Bé 23 tháng rồi đây. Hôm nay Bé đã chữa cho mẹ khỏi sốt rồi. Chốc nữa mẹ sẽ bắt đầu một chuyến đi công gạo rất xa Bé ạ. Chưa rõ ở đâu, Sơn

Phúc hay Tí Sé, Lộc Thành hay kho Kiểm. Mẹ còn mệt nhưng phải đi thôi Bé ơi. Cả Tiểu ban đi để có gạo ăn mà đi công tác. Mẹ không thể ở nhà được. Ở nhà ăn ba bữa bắp mẹ không chịu nổi, mẹ mệt và đi ngoài. Mẹ ốm liền ba hôm rồi Bé ạ. Nóng hâm hấp, rồi gầy gầy, rồi mệt và mẹ đã khóc vì mẹ cô đơn quá. Giá có cơm, mẹ đã khỏi ngay rồi. Mẹ sốt mà cứ ăn bắp hoài, chân mẹ run ghê quá, nhưng phải đi thôi. Mẹ nhớ Bé, hôm nay nhìn lại lồng ngực gầy gò của mẹ, khổ quá Bé à, mẹ lấy làm lạ là sao mẹ đã nuôi nổi Bé cũng chính từ bộ ngực ấy và chính cái miệng thơm thơm và đôi môi đỏ của Bé lại mút mút vào bầu vú mẹ hôm nay chỉ còn là hai cái núm lép kẹp...

Tháng này mẹ đã xong "Niềm vui thầm lặng" rồi. Từ nay đến 25-11-68 mẹ sẽ cố xong "Tiếng hát trong hang đá" nữa. Mẹ rất tranh thủ đấy Bé ạ...

Thôi, mẹ hơi vội. Hẹn con 9-12-68 mẹ sẽ có món quà mừng sinh nhật con, con thân yêu nhé.

20-11-1968

Mười ngày đi cấy gạo đã qua. Buồn, mệt mà không kết quả chi. 10-11, mình, anh Tiến, Thanh Đính, anh Linh, ông Chắt và Thảo đi cấy gạo. Còn Vân và Thu Hoài thì đi đồng bằng lòng mua hàng. Theo hẹn, bọn mình phải đi vòng đường A7 để tìm tin Thông đã xuống trước xem gạo để đâu. Suốt mấy hôm ăn ba bữa bắp liền mình đã giảm sức. Lại sốt. Sốt lử đừ từ 6-11 đến 9-11, mình không làm gì được. Chỉ nằm. Cơm không có ăn. Nhưng huy động cả nhà đi mình không có mặt khó coi quá. Mình gắng đi. Tin là nó sẽ khỏi dần như lần trước. Đi ba ngày mới tới Tí Sé. Ai cũng mệt. Mình rét run lấy bắp. Lội suối, nhất là suối A7, mình buốt tận óc. Vay được gạo nhưng mình không ăn được

cơm. Sáu người mua 1kg thịt lợn giá 380đ, mình được vài miếng mà cũng chỉ ăn ba bát nhỏ cơm (bát đồng bào). Mình không có tiền nên các anh mua thêm thịt ăn ngoài đến ớn mà mình vẫn thèm. Mình muốn gặm chân giò hoặc sườn, nhưng mình không có tiền. Mỗi người được vay 250đ. 250đ của mình Thanh Đính cầm để mua xà phòng và kem đánh răng rồi... Buổi tối mỗi người được mua 2 tán đường, góp một tán vào nấu chè chung. Mình ngán. Cố ăn mà ăn được rất ít. Chỉ thèm thịt.

*

*

*

Ở Tí Sé một tối. Sớm hôm sau, Anh Tiến, Thanh Đính, ông Chất và Cao Duy Thảo đi Sơn Phúc lĩnh 100kg gạo. Sổ gạo lĩnh theo phiếu chỉ cần 4 người công. Mình phải quay lên với anh Linh. Tìm kho gạo của Thông. Nghe đồn Thông và anh Giai đã móc gạo gửi ở cách Tí Sé 2 giờ đường mà tìm nửa ngày không thấy. Nằm lại ở một cái kho gạo dọc đường của bộ đội. Vay gạo của họ ăn. Ông Linh về nhà để báo tin cho mấy vị đi chinh huấn. Mình nằm lại và từ 14 đến 17-11 mình sốt. Nằm lịm. Mệt nấu người. Không ăn được. Chờ người ở nhà xuống không thấy (Thông và anh Giai đi công đã về). Chờ cánh Sơn Phúc lên cũng không thấy. Mình phải xin người đi đường từng tí măm. Lấy một tán đường nấu chè mà bỏ hết. Nghe tin anh Ngô Trí Hữu sốt rét ác tính chết, mình rụng rời cả người. Nhớ đầy đủ những kỷ niệm về anh ấy, người mình thương mến nhất trong đoàn cùng vượt Trường Sơn. Ở miền Nam, cái chết đến thật mau lẹ và dễ dàng. Mình buồn. Một tay Làng Bắc (cơ quan điện đài Khu), người Hà Nội, mở cho mình ăn cả một hộp thịt mà mình chịu. Chán quá. Mãi 17-11 anh Tiến và Thảo mới công gạo qua. Hai người đều sốt. San bớt hơn ang rưỡi gạo cho mình công. Ba người mang về được có hơn 100 lon. Mình công cả vớng và màn. Tất cả chưa tới 2 ang mà mình đi chậm. Mệt bã. Chưa bao giờ mình bị kiệt quệ như lần này. Mình vẫn không ăn được. Không lần nào biết đói. Mình leo dốc một cách khó nhọc mới về tới. Ở nhà Thông đã đi công chuyển nữa. Vân và Phương Anh sáng nay đi. Còn 16 ang và 100kg ở Sơn Phúc. Mình sẽ phải đi một chuyến nữa vì chuyến này vô duyên quá. Cũng may, nếu có gạo

nặng hơn thì mình bò ra đường mất. Không may mà hóa may.

Anh Hồng vừa khám cho mình. Anh ấy bảo gan và lá lách của mình không việc gì. Mình hết cả ký ninh nên vừa qua chỉ ngày nào sốt mới uống 6 viên bột gói vào giấy. Anh Hồng bảo mình vẫn đang sốt, cho mình 24 viên ký ninh uống trong 6 ngày. Hôm nay bữa sáng mình ăn khá, vì chiều qua không ăn. Bữa trưa lại bỏ ăn. Khổ quá. Ở kho dọc đường 4 ngày mình chỉ ăn có 5 lon gạo mà vừa ăn vừa cho bột. Không thấy đói. Thèm thịt quá chừng. Ngọt thì chán rồi. Ba tối liền ăn chè.

Anh gửi thư cho mình. Động viên. Bảo mọi người khen mình. Chả thiết. Mình buồn vì thấy người kiệt sức quá. Hai tháng mất kinh rồi. Sốt mãi còn máu đâu nữa. Sáng nay đọc ký "Sông Hàn gặp biển" của anh gửi về. Anh gửi 5 bài thơ cả thảy nhưng mình chỉ được đọc 2 bài, còn các bài kia anh Linh chuyển sang anh Phi đọc rồi. Ký của anh ít vốn sống quá. Tán quá, ý không mới, mình chả thích. Mấy bài thơ có nhẽ tốt hơn(...).

*

*

*

Chiều nay ngồi đọc lại cuốn nhật ký ghi những ngày chuẩn bị ở 105 và bắt đầu đi. Hâm nóng lại được nhiệt tình. Hồi ấy tâm trạng mình phơi phơi quá, phấn đấu quá. Thơ mộng và khỏe khoắn quá, yêu đời quá. Xem gian khổ như một khám phá lý thú. Xem chia ly như một sự hy sinh đẹp đẽ và hạnh phúc. Điềm lại lòng mình hiện tại, hơi rùng mình. Hình như hồi này, mới có ít tháng trôi qua thôi, mình đã nguội bớt nhiều rồi, nếu mình tránh chữ "nguội lạnh". Mình cần cố, già nua đi, buồn rầu đi và bắt đầu có sự bi quan. Mình đã mất cái phút đời. Mất đôi mắt chỉ biết nhìn cái đẹp trong thiên nhiên và trong sáng tạo. Mình đã để cho đầu óc có lúc thèm muốn nhỏ nhen: một ngày Hà Nội đầy đủ

cà phê, bánh mì, rau muống và cà chua, trứng và xi-rô... Mình đã để nỗi nhớ Ly đôi lúc làm lung lay quyết tâm ở lại miền Nam chiến đấu lâu dài. Tóm lại là tư tưởng mình khác với hồi mình mới lên đường dữ quá. May mắn hôm nay mình kịp ôn lại và kịp nhìn thẳng vào lòng mình. Lâu nay mình đã nằm văng và ngồi bếp không biết tiếc thì giờ. Mình đã giảm cái hăm hở tranh thủ làm việc. Nghĩa là mình sắp trì trệ trong lo lắng bệnh tật và bi quan về cuộc sống. Nguy quá. Một mảnh trăng rừng, một vòm trời xanh, một con đường núi... không khiến mình xôn xao xúc động như trước nữa. Mình bắt đầu chỉ hay chú ý tới cuộc sống gian lao và khó khăn.

Từ nay phải chấm dứt. Hãy sống phơi phới, sống đi lên. Yêu đời, và đập bằng mọi vất vả về vật chất và tinh thần.

Kỳ cuối

23-11-1968

Chiều qua anh Giai đi chinh huấn về báo tin: Anh đã về A7 và chiều nay sẽ cùng anh Chắt về tới đây nếu đi kịp. Không thì sáng mai. Mừng quá. Đang mong Anh đến căng thẳng. Nhưng mình tin ngay là Anh không thể về tới chiều nay được vì ông Chắt ốm, anh cũng yếu, không thể gùi nặng mà đi 2 ngày từ A7 về tới đây.

Hôm nay anh Tiến bảo mình làm một con tính: số ngày gửi, ốm và ở nhà. Tính từ 9-7-68 đến hôm nay 23-11-68, cộng là 136 ngày.

Mình đã mất: 71 ngày đi gửi; 26 ngày sốt; còn: 39 ngày ở nhà.

24-11-1968

Ăn sớm xong, ngồi nói chuyện với anh Giai. Nghe anh ấy kể về nông nỗi thiếu muối trong những ngày đi lĩnh gạo xã hội chủ nghĩa. Mình từ thuở bé chưa từng biết thiếu muối, nay nghe thấy lạ quá: ăn cơm nhạt, được người ta cho 7 hạt muối, để dành cuối bữa mới ăn vĩa.

Anh Hồng (Điện ảnh) về chiều qua. Anh ấy nhắn Cao Duy Thảo bảo mình là Quốc còn ở lại làm việc với ban vài hôm. Buồn quá. Thế là Anh chưa về hôm nay được. Mình lại khổ sở vì chờ đợi.

Sáng nay anh Tiến bảo tổng số ngày ốm của anh ấy hơn mình 12 ngày, còn ngày gửi của anh ấy hơn mình có 4 ngày thôi. Như vậy sự đóng góp về gửi công của mình cũng không đến nỗi tồi lắm.

28-11-1968

Anh về chiều hôm qua, đúng lúc mình chữa và chép xong truyện “Niềm vui thầm lặng”. Nói chuyện gần hết đêm. Nói chung là vui.

Anh về kỳ này mình quyết phải động viên anh làm việc. Mừng 3-12, còn 4 hôm nữa anh lại phải ra A7 họp rồi. Chán.

3-12-1968

Anh lại đi. Anh ra A7 họp đại hội chi bộ và có thể ở lại A7 luôn để viết.

Hôm qua họp Tiểu ban để quần chúng góp ý cho ban, Tiểu ban và đảng viên. Mình cũng nói rất mạnh. Chỉ có chuyện ông V.L bảo (với mình) là làm thơ không cần đi thực tế thì hơi tiếc. Bữa trước mình nói với ông Điều và Thảo. Ông Điều đưa ra chi bộ bảo là không biết ai nói. Ông L. chối. Hôm qua Thảo nêu ra. Mình đành phải vạch thẳng. Đại hội chi bộ kỳ này sẽ nêu lại vì nó sai cơ bản về quan điểm, nhất là ông L. vốn có dư luận là sợ ác liệt, ngại đi thực tế. Thế nào ông L. cũng căm mình lắm. Anh bảo lẽ ra thì đừng nói với ai. Nêu ra ông thù mình. Thôi ông thù thì thù. Rõ ràng mình không vu cáo ông. Ông không đồng ý kết nạp mình thì còn cả chi bộ.

15-12-1968

Họp toàn ban bất thường. Rút mức ăn xuống: 1 lon gạo (trộn bắp) một ngày. Tình hình nghiêm trọng. Địch càn. Bít ranh. Sớm mai một số lớn của ban đi A5 ngay, một nửa ở lại sản xuất và tránh ăn gạo ở ban. Mỗi ngày 2 người đi kiếm rau chống đói. Đêm nay có thể sẽ nổ súng tấn công đợt mới.

Phụ lục:

Nằm lại với đất lành...

Trong cuốn nhật ký mà nhà thơ Bùi Minh Quốc lưu giữ thì chị Dương Thị Xuân Quý thật ra còn viết nhật ký đến ngày 17-12-1968. Trong lần ghi nhật ký này, chủ yếu chị Xuân Quý tường thuật về hội nghị sáng tác của Hội Văn nghệ Khu 5 và đã được nhà thơ Bùi Minh Quốc công bố trước đây (nên lần này ông chủ động không đề cập nữa).

Vậy là “Nhật ký chiến trường” của Dương Thị Xuân Quý kết thúc - tạm gọi như thế - trong thời điểm cuối năm 1968, khi đang ở A7, một căn cứ thuộc vùng tây Quế Sơn. Đến sáng sớm 19-12-1968, vợ chồng Bùi Minh Quốc - Dương Thị Xuân Quý chia tay, chị Xuân Quý đi công tác xuống vùng đông Thăng Bình, Duy Xuyên, “và đây là lần cuối cùng tôi nhìn thấy vợ tôi” - nhà thơ Bùi Minh Quốc tâm sự. Cũng theo trí nhớ của ông Quốc cùng một nhân chứng tên Mười ở thôn 3 Duy Thành - người sống sót và chứng kiến cảnh chị Xuân Quý hy sinh trên miệng hầm bí mật - thì chị Xuân Quý còn một cuốn sổ ghi chép nữa, có thể đó là những đoạn nhật ký kế tiếp. Và như đã giới thiệu, đêm 8-3-1969, Dương Thị Xuân Quý anh dũng hy sinh tại thôn Thi Thại xã Xuyên Tân (nay là Duy Thành) huyện Duy Xuyên trong một trận càn quét ác liệt của giặc Nam Triều Tiên khi chị cùng đồng đội từ dưới hầm bí mật bò lên cổ

tìm cách thoát ra khỏi vòng càn. Toán lính Nam Triều Tiên sau đó canh giữ nhiều ngày liền, khiến thi thể chị Xuân Quý bị thất lạc. Năm 1996, bia tưởng niệm được dựng tại nơi chị hy sinh. Năm 2000, Bùi Minh Quốc gắng tìm kiếm lần nữa từ tiết lộ của một nhân chứng, nhưng lại thất bại. Thật bất ngờ, năm 2006 hài cốt liệt sĩ Dương Thị Xuân Quý đã được tìm thấy sau 37 năm thất lạc, và được an táng cạnh bia tưởng niệm.

Nhà thơ Bùi Minh Quốc đã từng viết “Bài thơ hạnh phúc” rất xúc động (với bút danh Dương Hương Ly) về cái chết của Dương Thị Xuân Quý: “Thôi em nằm lại/ Với đất lành Duy Xuyên/ Trên mộ em có mùa xuân ở mãi / Trời chiến trường vẫn một sắc xanh nguyên...”. Nhân dịp lần đầu tiên công bố “Nhật ký chiến trường”, Quảng Nam cuối tuần tiếp tục giới thiệu nội dung “Đơn tình nguyện vào miền Nam chiến đấu” viết năm 1965 và Bức thư cuối cùng của nhà văn Dương Thị Xuân Quý gửi cho chồng (Bùi Minh Quốc) ngày 31-12-1968. Tư liệu này cũng do nhà thơ Bùi Minh Quốc cung cấp.

H.V.Đ

ĐƠN TÌNH NGUYỆN VÀO MIỀN NAM CHIẾN ĐẤU

CỦA NHÀ VĂN DƯƠNG THỊ XUÂN QUÝ VIẾT NĂM 1965

(trích)

Tôi là Dương Thị Xuân Quý, đoàn viên thanh niên lao động, phóng viên báo Phụ Nữ Việt Nam tình nguyện gửi đơn này xin các đồng chí xét cho tôi được vào Nam chiến đấu.

Tình hình đế quốc Mỹ ngày càng ngang ngược đẩy mạnh cuộc chiến tranh ăn cướp của chúng ở miền Nam và gần đây chúng liên tiếp cho máy bay bắn phá miền Bắc, là một thanh niên, tôi đã tình nguyện ghi tên đăng ký Ba sẵn sàng. Nhưng nguyện vọng tha thiết nhất của tôi là được xông vào những nơi chiến đấu ác liệt nhất để chiến đấu cho lý tưởng vinh quang của mình bằng tất cả sức lực và trí tuệ cao độ nhất. Xin các đồng chí hiểu cho tôi! Đã từ lâu tôi mong ước vô cùng được vào miền Nam chiến đấu...

Tôi năm nay 24 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh, đã mười năm nay không ốm đau, không có bệnh tật gì. Trong suốt 8 năm kháng chiến (từ 1946 đến 1954) tôi đã quen với bom đạn và những trận càn quét tấn công của thực dân Pháp. Đạo đó, tôi hoạt động thiếu nhi. Hòa bình lập lại, tôi đi học và đã từng làm bí thư chi đoàn trường Trưng Vương. Tôi làm báo từ tháng 2.1961 đến nay đã được bốn năm. Như vậy, nếu được vào Nam chiến đấu, tôi có thể dạy học, làm công tác Đoàn, làm báo, phụ trách thiếu nhi v.v. Nhưng nếu miền Nam cần đến tôi ở bất cứ một việc nào, bất cứ một nơi nào, tôi xin sẵn sàng làm tròn nhiệm vụ. Nếu phải hy sinh tính mạng, tôi sẵn sàng, không một mảy may tính toán. Tôi không sợ chết, chỉ sợ không xứng đáng để được chọn làm những nhiệm vụ vinh quang là hy sinh xương máu, hy sinh tính mạng cho sự nghiệp giải phóng

miền Nam. Nếu Đảng gọi tôi “vào Nam chiến đấu”, tôi xin có mặt ngay mà không cần một giây phút nào thu xếp. Tôi không có một vương vấn, một vương víu nào cả.

Bức thư cuối cùng của nhà văn Dương Thị Xuân Quý gửi cho chồng

31-12-1968

Anh thương yêu

Đi vất quá anh ạ. Mãi chiều 28.12 mới tới được Tuyên huấn Quảng Nam (đi sáng 20.12). Em phải bám dây mây qua sông, chỗ đường 16, sợ quá. Em kêu ầm ĩ. Nước sông to mà em thì không tài nào quấy được. Cậu Quý bên Quân khu đi sản xuất phải dìu em. Kinh quá. Đến Tuyên huấn Quảng Nam thì em sốt. Nghỉ hai ngày. Sáng nay sẽ theo giao liên về Bình Dương, Bình Giang, Bình Đào (Thăng Bình) ít ngày. Ở đây pháo bắn dữ lắm, mảnh rơi gần. Phải ngủ hầm. Bắt đầu về đồng bằng, em gửi hăng-gô lại chỗ đội Điện Ảnh rồi. Đi giữa làng thú vị lắm. Tuy cũng căng nhưng so với Quảng Đà chắc kém xa. Hai hôm trước chúng nó thả bom ngoài suối, mấy anh vớt cá chết được hàng thúng. Bọn em ăn chán cá. Tuy chưa thực sự chèn chén gì nhiều nhưng tươi hơn

ở nhà lằm lằm. Thương các anh ghê.

Hôm đi, em gửi anh Thanh Đính mang về “Niềm vui thầm lặng” và “Tiếng hát trong hang đá”. Anh Đính có đưa anh không? Nhớ giữ bản thảo cho em đó.

Lẽ ra em phải viết thư cho anh Vương Linh, nhưng kỳ này anh Tiến đã viết. Em lại sốt li bì cả ngày hôm qua. Hôm nay mệt. 8g sáng đã phải đi, nên không có thư cho anh. Nhờ anh nói hộ em, kéo anh ấy kêu em không viết nhé.

Thôi, vài hàng ngăn ngủi, em đang mệt mà.

Yêu anh

Xuân Quý

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

[1] Trường 105: trường huấn luyện cán bộ để vào chiến trường miền Nam

[2] Nhà báo Nguyễn Chánh, chồng của nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Tú.

[3] Tiêu đề trong cuốn nhật ký được trích đăng là của Tòa soạn đặt. Các chú thích: BMQ (là của nhà thơ Bùi Minh Quốc), BT (của biên tập).